

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3800100376

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 12 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 03 tháng 11 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG PHU RUBBER JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: DORUCO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Áp Thuận Phú 1, Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0271.819786 - 3819709

Fax: 0271.3.819620

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 868.859.320.000 đồng.

Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi tám tỷ tám trăm năm mươi chín triệu ba
trăm hai mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 86.885.932

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: MAI HUỲNH NHẬT

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 10/02/1965 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 056065000226

Ngày cấp: 27/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Áp Thuận Phú 1, Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình
Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 664 Quốc lộ 14, Khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thành phố
Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam



Nguyễn Duy Hải



QUYẾT ĐỊNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CPCS ĐỒNG PHÚ

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cao su Đồng Phú đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 24/12/2006.

- Căn cứ kết quả họp HĐQT Công ty ngày 10/02/2007 v/v kiện toàn tổ chức bộ máy của Công ty và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị trực thuộc.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập *Xí nghiệp Chế biến Thuận Phú* trực thuộc Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú.

Địa chỉ: Xã Thuận Phú - huyện Đồng Phú - tỉnh Bình Phước.

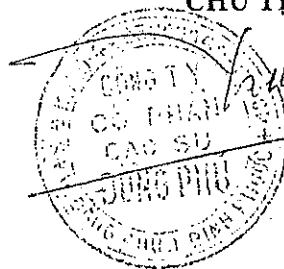
Điều 2: Chức năng - nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của đơn vị thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Điều 3: Các Ông Trưởng phòng TC-HC, các phòng liên quan, Giám đốc các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thi hành quyết định kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như trên Điều 3;
- Lưu VT; TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hải

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

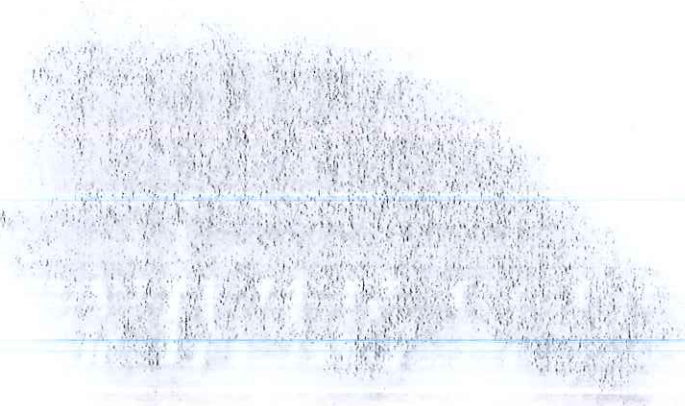
THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY



Số : 1252/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 16 tháng 6 năm 2008.

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất
cho Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 3441/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty cao su Đồng Phú thành công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 166/TTr-STNMT ngày 04/6/2008,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú với diện tích 438.043,6 m² (Bốn trăm ba mươi tám ngàn không trăm bốn mươi ba phẩy sáu mét vuông) để sử dụng vào mục đích đất cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất cơ sở y tế không kinh doanh, đất cơ sở thể dục thể thao không kinh doanh và đất cơ sở văn hoá không kinh doanh (có biểu chi tiết kèm theo).

- Khu đất tọa lạc tại : Có biểu chi tiết kèm theo.

- Vị trí, tứ cận khu đất : Có bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 và 1/1.000 do Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ 305 kèm theo.

- Mục đích sử dụng : Có biểu chi tiết kèm theo.

- Thời hạn sử dụng đất : Đến ngày 23/12/2045.

- Thời điểm tính tiền thuê đất : Từ ngày 01/01/1996.

- Giá thuê đất : Do Sở Tài chính xác định.

- Nguồn gốc đất : Thuộc đất của Công ty Cao su Đồng Phú, đã được UBND tỉnh Sông Bé (cũ) cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 5567/QĐUB ngày 23/12/1995.

Điều 2. Sau khi có Quyết định giao đất, cho thuê đất, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú có trách nhiệm :

- Đến Sở Tài nguyên và Môi trường ký Hợp đồng thuê đất, chấp hành đúng các quy định về quản lý, sử dụng đất.

- Nộp phí, lệ phí, tiền thuê đất theo quy định, đồng thời đến UBND các xã, thị trấn nơi có đất để đăng ký biến động sử dụng đất.

Điều 3. Các ông (bà) : Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND thị xã Đồng Xoài, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nơi có đất, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, CV, SX;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Danh

VỊ TRÍ GIAO DẤT, CHO THUÊ ĐẤT CHO CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI VÀ HUYỆN ĐỒNG PHÚ

(Kèm theo Quyết định số 712/2008/QĐ-UBND ngày 16/6/2008 của UBND tỉnh Bình Phước)



STT	Vị trí Khuất	Diện tích giao (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Mục đích sử dụng (*)	Ghi chú
A	Thị xã Đồng Xoài	41.308,0	20.812,4		
I	Xã Tân Thành	14.730,4			
1	Sân vận động NT Tân Thành	14.730,4		TT0	
II	Xã Tiến Hưng	26.577,6	20.812,4		
1	Khu Trung tâm NT Tân Lợi	4.203,5	18.683,6	SKC	
2	Trung tâm y tế NT Tân Lợi	13.548,5		YT0	
3	Sân vận động NT Tân Lợi		973,1	TT0	
4	Văn phòng đội 2, NT Tân Lợi	6.916,0		SKC	
5	Sân vận động Đội 2, NT Tân Lợi	1.909,6		TT0	
6	Công viên đội 2, NT Tân Lợi		1.155,7	VH0	
7	Văn phòng đội 1, NT Tân Lợi			SKC	
B	Huyện Đồng Phú	158.564,1	217.359,1		
I	Xã Thuận Phú	42.960,4	145.782,8		
1	Văn phòng Công ty		31.457,2	SKC	
2	Trung tâm y tế Công ty	5.860,6		YT0	
3	Khu dịch vụ và thương mại		1.984,9	SKC	
4	Sân vận động Công ty	11.465,1		TT0	
5	Xí nghiệp chế biến mùn Thuận Phú		37.402,0	SKC	
6	Khu xử lý nước thải XNCB		29.460,5	SKC	
7	Khu tập thể công nhân XNCB		18.416,1	SKC	
8	Xí nghiệp Vật tư vận tải và cầu đường		2.492,4	SKC	
9	Quảng trường trung tâm	19.582,8		VH0	
10	Kho vật tư Xí nghiệp VITVT		13.125,1	SKC	
11	Văn phòng NT Thuận Phú		8.794,3	SKC	

STT	Vị trí khu đất	Diện tích giao (m ²)	Diện tích cho thuê (m ²)	Mục đích sử dụng (*)	Ghi chú
12	Văn phòng Đội 5, NT Tân Lập		426,8	SKC	
13	Sân bóng chuyền Đội 5, NT Tân Lập	363,4		TT0	
14	Sân vận động Đội 5, NT Thuận Phú	3.706,5		TT0	
15	Văn phòng Đội 1, NT Tân Thành		2.223,5	SKC	
16	Trung tâm y tế NT Tân Thành	1.982,0		YT0	
II	Xã Thuận Lợi	4.849,3	2.083,5		
1	Văn phòng Đội 1, NT Thuận Phú		2.083,5	SKC	
2	Sân vận động Đội 1, NT Thuận Phú	4.849,3		TT0	
III	TT Tân Phú	22.831,9	2.627,3		
1	Văn phòng Đội 3, NT Tân Lợi		2.627,3	SKC	
2	Sân vận động Đội 3, NT Tân Lợi	12.415,2		TT0	
3	Công viên Đội 3, NT Tân Lợi	10.416,7		VH0	
IV	Xã Tân Tiến		1.146,7		
1	Văn phòng Đội 1, NT Tân Lập		1.146,7	SKC	
V	Xã Tân Lập	87.922,5	65.718,8		
1	Văn phòng NT Tân Lập		23.648,3	SKC	
2	Công viên ao cá	75.005,7		VH0	
3	Công viên NT Tân Lập	2.886,4		VH0	
4	Sân vận động NT Tân Lập	10.030,4		TT0	
5	Khu xử lý nước thải XNCB mủ Tân Lập		42.070,5	SKC	
Tổng cộng		199.872,1	238.171,5		
Tổng diện tích giao đất và cho thuê đất :		438.043,6			

Ghi chú (*):

SKC : Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh

YT0 : Đất cơ sở y tế không kinh doanh.

VH0 : Đất cơ sở văn hoá không kinh doanh.

TT0 : Đất cơ sở thể dục - thể thao không kinh doanh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú
(Xí nghiệp chế biến mủ Thuận Phú)

- Giấy CNKKD số 44.03.000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/12/2006.

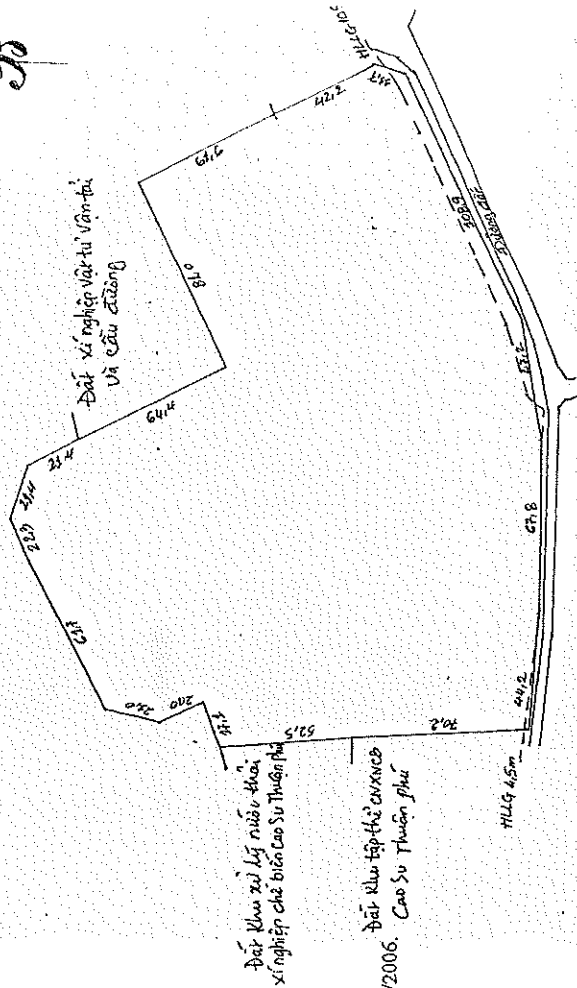
- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

IX- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 00 2. Tờ bản đồ số: 00
3. Địa chỉ thửa đất: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
4. Diện tích: 37.402,0 m²
Bằng chữ: Ba mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ hai mét vuông.
5. Hình thức sử dụng:
+ Sử dụng riêng: 37.402,0 m²
+ Sử dụng chung: Không m²
6. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh.
7. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 23/12/2045.
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất



VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số A/H/501/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN.
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú

(Khu xử lý nước thải Xi nghiệp Chế biến Nông trường Thuận Phú)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/12/2006.

- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 00
2. Tờ bản đồ số: 00
3. Địa chỉ thửa đất: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
4. Diện tích: 42.554,4 m²
(Bằng chữ: Bốn mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi bốn phẩy bốn mét vuông).
5. Hình thức sử dụng:
+ Sử dụng riêng: 42.554,4 m²
+ Sử dụng chung: Không m².

6. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh.

7. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 23/12/2045.

8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

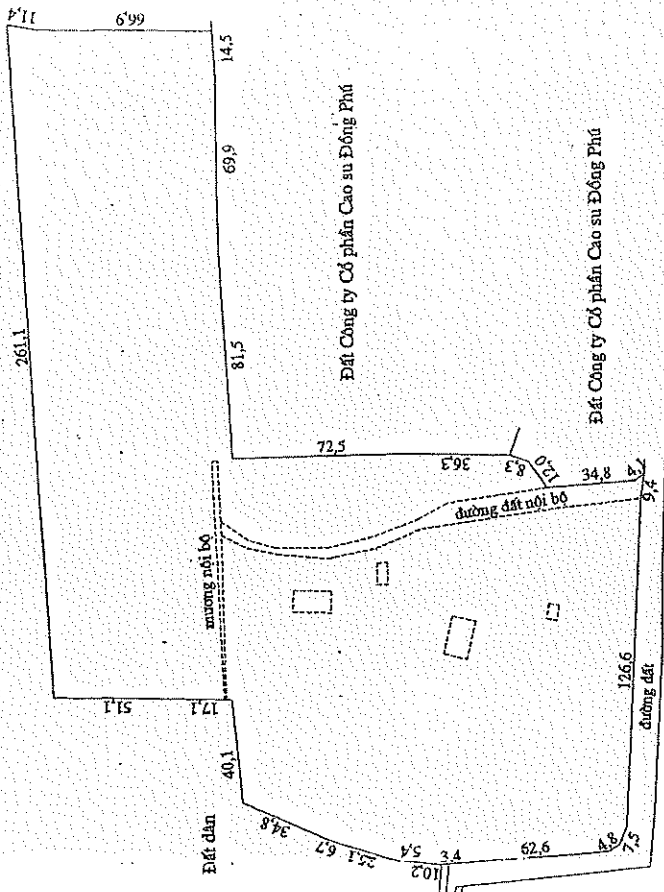
III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

Thửa đất được trích đo địa chính.

V- Sơ đồ thửa đất

Đất Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú



Tỷ lệ: 1/2.000

Ngày 25 tháng 9 năm 2009.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ CHỤ TỊCH



Bùi Văn Linh

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T.244.65

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số A0/2002/08

Số 2033 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm
Nhà máy chế biến cao su Thuận Phú - Công ty CP Cao su Đồng Phú
tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường họp ngày 14/5/2009 tại phòng họp UBND tỉnh Bình Phước và Biên bản tổng hợp ý kiến lần 2 của các thành viên phản biện của Dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm Nhà máy chế biến cao su Thuận Phú;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm Nhà máy chế biến cao su Thuận Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình của Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú tại Công văn số 219/CSĐP-KTNN ngày 29/6/2009;

Xét đề nghị của ông Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 281/TT-Tr-STNMT ngày 09/7/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm Nhà máy chế biến cao su Thuận Phú thuộc Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú (dưới đây gọi là Chủ dự án), tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Báo cáo được phê duyệt này không bao gồm các nội dung đánh giá tác động môi trường đối với các hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác nước dưới đất liên quan đến Dự án.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Phải xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải công nghiệp riêng biệt. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý sơ bộ trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy. Nước thải sản xuất phải được thu gom xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên QCVN 01:2008/BTNMT cột B, $K_1 = 0,2$, $K_2 = 1$ trước khi thải vào suối Cầu Cháy.

2. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành sản xuất của dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn và độ rung theo qui định tại các TCVN 5949:1998; TCVN 6962:2001. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do bụi và các khí độc hại phát sinh. Nồng độ bụi, các khí độc hại phải xử lý đạt các tiêu chuẩn TCVN 5937, 5938, 5939, 5940:2005.

3. Thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp và rác sinh hoạt đúng quy định; thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các loại chất thải nguy hại theo các qui định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn hành nghề và lập thủ tục hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục chất thải nguy hại.

4. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã được trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo đạt ít nhất 20% diện tích dự án.

5. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng, chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ kho nguyên liệu có chứa dung môi, hóa chất, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

6. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu, nên có các sự cố về môi trường phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để xử lý.

7. Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, Chủ dự án phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về kế hoạch xây lắp các công trình xử lý môi trường và kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình này. Sau khi kết thúc việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường phải có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để được xác nhận đạt yêu cầu trước khi đưa vào vận hành xử lý chính thức. Định kỳ thực hiện Chương trình giám sát môi trường nước thải, nước mặt, nước ngầm, không khí và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chủ đầu tư phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện các nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu trong Quyết định này. Chế độ thông tin, báo cáo phải thực hiện theo đúng qui định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Tạo văn bản pháp quy được một trường chuẩn lực cư và nhóm ven cầu hai bên tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thành lập, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

Điều 6. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Đồng Phú;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- CyCPCoastalĐôngPhú;
- LĐVP, CV: SX (T202);
- Lưu: VT.

CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 2821/CT. Quyền số: 02

Ngày 12 tháng 8 năm 2009

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

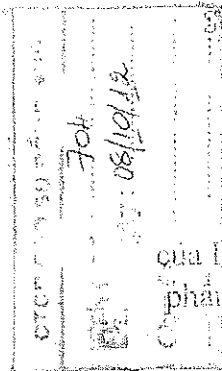
U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH

U. CHỦ TỊCH



Số: 00/GXN-STNMT

Bình Phước, ngày 04 tháng 10 năm 2012

GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
của Dự án "Đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm của Xí nghiệp chế biến cao su Thuận Phú - Công ty CP cao su Đồng Phú" tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường, tác động, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2009 của UBND tỉnh Bình Phước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm của Xí nghiệp chế biến cao su Thuận Phú - Công ty CP cao su Đồng Phú tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước";

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm của Xí nghiệp chế biến cao su Thuận Phú - Công ty CP cao su Đồng Phú" tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước thực hiện vào ngày 17 tháng 9 năm 2012;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty CP cao su Đồng Phú đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm của Xí nghiệp chế biến cao su Thuận Phú - Công ty CP cao su Đồng Phú" tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

cao su Thuận Phú - Công ty CP cao su Đồng Phú" tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước sau đây:

1. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Lắp đặt tháp khử mùi để xử lý khí thải lò sấy của Dây chuyền chế biến mũ côm từ mũ tạp. Khí thải từ lò sấy Dây chuyền chế biến mũ côm từ mũ nước và Dây chuyền chế biến mũ côm từ mũ tạp sau khi xử lý được phát tán ra môi trường qua ống khói. Trong quá trình vận hành, khí thải tại ống khói của 02 lò sấy đều đạt nguồn loại B của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với hệ số $K_p = 1,0$, $K_v = 1,2$.

2. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất $1.700 \text{ m}^3/\text{ngày}$ cho Xí nghiệp để xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải đạt nguồn loại B của QCVN 01:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $K_q = 0,9$, $K_r = 1,0$ trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Xí nghiệp để xử lý.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa xung quanh khu vực nhà xưởng của Xí nghiệp tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

3. Về công trình, biện pháp xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn thông thường:

- Công ty đã đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên và Môi trường mã số QLCINH 70.000035.T cấp ngày 20/1/2010; xây dựng kho lưu giữ và có biển cảnh báo an toàn để lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định. Công ty đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động có khả năng tái sử dụng được thu gom và tái sử dụng tại Xí nghiệp.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động không có khả năng tái sử dụng và rác thải sinh hoạt được Đội vệ sinh môi trường địa phương thu gom, xử lý.

4. Về công trình, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường:

Công ty đã trang bị hệ thống PCCC, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét cho Xí nghiệp.

5. Về các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt:

- Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho Xi nghiệp có quy trình và hạng mục công trình thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và đã được UBND tỉnh chấp thuận việc thay đổi tại Công văn số 1866/UBND-KTN ngày 11/6/2012 về việc thay đổi HTXLNT so với ĐTM đã được phê duyệt tại Xi nghiệp chế biến mù cưa su Thuận Phú.

Điều 2. Công ty có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã được nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

3. Trong thời hạn 2 năm, Công ty phải tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của Xi nghiệp để xử lý nước thải đạt nguồn loại A của QCVN 01:2008/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT với hệ số $K_1 = 0,9$, $K_2 = 1,0$ trước khi thải ra môi trường.

4. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

5. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

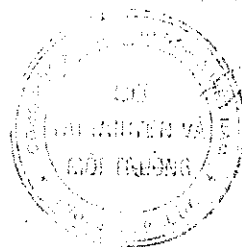
Điều 3. Giấy xác nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Mù Cưa Thuận Phú;
- Phòng TN&MT huyện Đông Phú;
- Lưu VT, CCBVMT.

THỦ LƯU
SỞ
UYÊN VÀ
TRƯỞNG
THI THỰC

1. GIÁM ĐỐC
PHÉ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Long Đoàn



GIẤY XÁC NHẬN

HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm – Nhà máy chế biến mủ cao su Thuận Phú tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú làm chủ đầu tư cho hạng mục hệ thống xử lý nước thải

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
XÁC NHẬN**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN:

- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú.
- Địa chỉ văn phòng: xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Địa điểm hoạt động: xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại: 02713.819.786
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3800100376, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/7/2018. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2033/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh Bình Phước.

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm – Nhà máy chế biến mủ cao su Thuận Phú tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú làm chủ đầu tư cho hạng mục hệ thống xử lý nước thải (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DỰ ÁN:

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý nước thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện

chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với hạng mục xử lý nước thải theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Nội dung:

- Công ty CP cao su Đồng Phú;
- P.TN&MT H. Đồng Phú;
- Lâm. VT, CCBVMT.

GIÁM ĐỐC



Đo Hoàng Lâm

PHỤ LỤC

(làm theo Chảy xác nhận số: 28) GAN-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2019
và Sơ Tư ngày 21 và Môi trường)

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải:

Công ty đã dẫn từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống nhựa đường kính 220mm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất (nước thải rửa mũ, nước thải rửa xe) được thu gom tập trung về cuối nhà xưởng bằng hệ thống thu gom là mương gạch hờ có bề rộng 300mm, sâu khoảng 500mm chiều dài khoảng 150m, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất công suất 900 m³/ngày đêm với quy trình xử lý: Nước thải từ dây chuyền mũ tập vào bể kỵ khí + nước thải từ dây chuyền mũ nước vào bể kỵ khí kết hợp → Bể tạo (09 bể) → Bể ổn định (01 bể) → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng sinh học → Bể chứa sau xử lý → Nguồn tiếp nhận (QCVN 01-MT:2015/BTNMT cột A ($K_a = 0,9$, $K_f = 1,0$)).

Kích thước, cấu tạo của từng hạng mục, công trình của hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Bể kỵ khí: kích thước 93m x 30m x 2,5m, kết cấu: Hồ đất, lót bạt HDPE chống thấm;

- Bể kỵ khí kết hợp (03 bể): kích thước 62,6m x 32,2m x 1,8m, kết cấu: bê tông cốt thép,

- Bể tạo (09 bể): kích thước 93m x 30m x 1,1m, kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE,

Bể ổn định: kích thước 90m x 30m x 2,1m, kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE;

- Bể thiếu khí 1: kích thước 13,6m x 6m x 5m, kết cấu: bê tông cốt thép, sơn chống thấm;

Bể hiếu khí 1: kích thước 13,6m x 9,5m x 5m, kết cấu: bê tông cốt thép, sơn chống thấm;

- Bể thiếu khí 2: kích thước 6,2m x 5m x 5m, kết cấu: bê tông cốt thép, sơn chống thấm;

- Bể hiếu khí 2: kích thước 7,1m x 5m x 5m, kết cấu: bê tông cốt thép, sika chống thấm;

- Bể lắng sinh học: kích thước 8,5m x 3,5m x 4,5m, kết cấu: bê tông cốt thép, sika chống thấm;

- Bể chứa nước sau xử lý: kích thước 6m x 2,1m x 4,5m, kết cấu: bê tông cốt thép, sika chống thấm;

Công ty có sử dụng hóa chất là Polymer-Cation cho công đoạn ép bùn.

2. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải.

Công ty đã hoàn thiện hồ sơ có cho hệ thống xử lý nước thải. Hồ sơ có hình chữ nhật, thành và đáy hồ được lót bạt HDPE có vách nghiêng 45⁰ so với phương thẳng đứng, kích thước hồ là 90m x 30m x 2,1m. Hồ sơ có có nhiệm vụ lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải có sự cố xảy ra.

3. Chương trình quan trắc môi trường:

- Vị trí giám sát: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Amoni (NH₄⁺ tính theo N).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 01-MT:2015/BTNMT, cột A (k_q= 0,9, k_t= 1,0) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Yêu cầu Công ty đầu tư, lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Công ty phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----000-----

Bình Phước, ngày 30 tháng 11 năm 2019

**NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BÀN GIAO
VÀ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Dự án : Nâng cấp xử lý từ cột B lên cột A QCVN 01:2015/BTNMT của hệ thống xử lý nước thải Xí nghiệp chế biến Thuận Phú

Gói thầu : Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thi công xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị công nghệ, hướng dẫn vận hành và đào tạo chuyên gia công nghệ

Địa điểm : Xí nghiệp chế biến Thuận Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

1. Đối tượng được nghiệm thu:

Hệ thống xử lý nước thải, công suất 900m³/ngđ

2. Thành phần nghiệm thu:

a) Đại diện chủ đầu tư: Công ty cổ phần cao su Đồng Phú

- Ông: <u>Lưu Minh Tuấn</u>	Chức vụ: <u>Trưởng Giám đốc</u>
- Ông: <u>Phạm Ngọc Huy</u>	Chức vụ: <u>TP. Kế toán Tài vụ</u>
- Ông: <u>Nguyễn Tiến Đạt</u>	Chức vụ: <u>TP. Kế hoạch</u>
- Ông: <u>Nguyễn Văn Pháo</u>	Chức vụ: <u>TP. Công nghiệp</u>
- Ông: <u>Lê Trí Nhân</u>	Chức vụ: <u>GD. XNCL. Thuận Phú</u>
- Ông: <u>Nguyễn Thanh Huy</u>	Chức vụ: <u>TP. Kế hoạch</u>
- Ông:	Chức vụ:
- Ông:	Chức vụ:
- Ông:	Chức vụ:

b) Đại diện tư vấn giám sát: Công ty TNHH ĐTXD & Môi Trường ENVITOP.

- Ông: <u>Nguyễn Tân Hải</u>	Chức vụ: <u>Giám đốc</u>
- Ông:	Chức vụ:

c) Đại diện nhà thầu: Công ty TNHH ĐTXD & CNMT Môi Trường Dương Nhật

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| - Ông: Hoàng Ngọc Tùng | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| - Ông: Nguyễn Thái Nguyên | Chức vụ: Giám đốc dự án |

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 09 giờ 30', ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Kết thúc: 11 giờ 30', ngày 26 tháng 11 năm 2019

Địa điểm: Công trường xây dựng hệ thống xử lý nước thải xí nghiệp chế biến Thuận Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

4. Đánh giá chất lượng công việc đã thực hiện:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Công văn số 345/CVĐ – DUONG NHAT-19, về việc “nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng”, ngày 21 tháng 11 năm 2019;
- Hợp đồng xây dựng số 108/HĐXD, ngày 15/11/2018 ký giữa Công ty Cổ Phần Cao Su Đồng Phú và công ty TNHH ĐTXD & CNMT Dương Nhật;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng số: 01/DN/NTHTCVXD, ngày 20/09/2019;
- Biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng số: 01, ngày 04/07/2019;
- Biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị số: 02, ngày 05/08/2019;
- Biên bản nghiệm thu chạy thử thiết bị đơn động không tải số: 03, ngày 10/08/2019;
- Biên bản nghiệm thu chạy thử thiết bị liên động không tải số: 04, ngày 13/08/2019;
- Biên bản nghiệm thu chạy thử thiết bị liên động có tải số: 05, ngày 15/08/2019;
- Biên bản nghiệm thu chất lượng nước thải, ngày 04/10/2019;
- Biên bản nghiệm thu chi phí vận hành, ngày 04/10/2019;
- Catalogue, chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ);
- Bản vẽ hoàn công công trình;
- Hồ sơ quản lý chất lượng công trình
- Nhật ký công trình, nhật ký vận hành và các văn bản liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

b) Chất lượng thực hiện công việc:

- Về tiến độ thi công công trình – chất lượng các hạng mục xây dựng:

Hoàn thành các khối lượng công việc theo hợp đồng, phụ lục và bản vẽ thiết kế thi công được duyệt.

Các hạng mục thi công đảm bảo chất lượng, đúng yêu cầu kỹ thuật của hợp đồng.

- Về chất lượng thiết bị, vận hành có tải:

Các thiết bị cung cấp, lắp đặt đúng theo hợp đồng và thiết kế được duyệt, vận hành ổn định ở 100% công suất thiết kế.

- Về công suất – chi phí vận hành của Trạm:

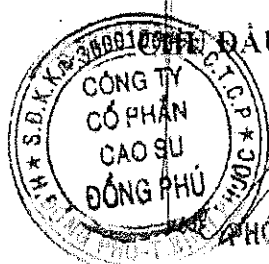
Chất lượng nước thải đạt yêu cầu theo QCVN 01-MT:2015/BTNMT, cột A của Bộ Tài Nguyên & Môi Trường. Chi phí vận hành phù hợp với hồ sơ dự thầu (biên bản nghiệm thu chất lượng nước – chi phí vận hành kèm theo).

Hệ thống đã vận hành kiểm tra tại 100% công suất như thiết kế.

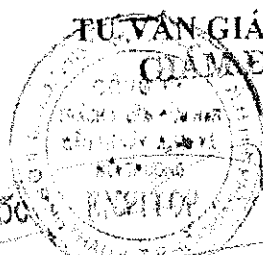
c) Các ý kiến khác (nếu có):

d) Kết luận:

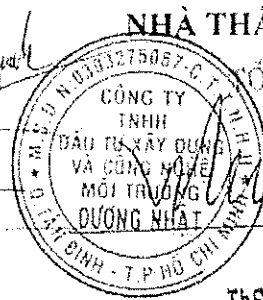
- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình, bàn giao cho chủ đầu tư để đưa công trình vào sử dụng.
- Chủ đầu tư tiếp nhận quản lý và chịu trách nhiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Nhà thầu vệ sinh, thu dọn khỏi công trường tất cả các thiết bị của nhà thầu, các công trình tạm, vật liệu dư thừa.
- Biên bản nghiệm thu được lập thành 06 (sáu) bộ, mỗi bên giữ 03 (ba) bộ có giá trị pháp lý như nhau.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lưu Minh Tuyền



NGUYỄN TẤN HẢI



THS. HOÀNG NGỌC TÙNG

THE HISTORY OF THE

REIGN OF KING CHARLES THE FIRST

IN WHICH ARE CONTAINED THE MOST REMARKABLE
EVENTS OF HIS REIGN

FROM THE YEAR 1625 TO 1649

BY SAMUEL JOHNSON

IN TWO VOLUMES. THE SECOND VOLUME.

LONDON: Printed by A. MILLAR, in Pall-mall.

MDCCLXXII.

THE HISTORY OF THE REIGN OF KING CHARLES THE FIRST

IN WHICH ARE CONTAINED THE MOST REMARKABLE

EVENTS OF HIS REIGN

FROM THE YEAR 1625 TO 1649

1

THE HISTORY OF THE REIGN OF KING CHARLES THE FIRST

IN WHICH ARE CONTAINED THE MOST REMARKABLE

EVENTS OF HIS REIGN

FROM THE YEAR 1625 TO 1649

BY SAMUEL JOHNSON

IN TWO VOLUMES. THE SECOND VOLUME.

LONDON: Printed by A. MILLAR, in Pall-mall.

MDCCLXXII.

THE HISTORY OF THE REIGN OF KING CHARLES THE FIRST

IN WHICH ARE CONTAINED THE MOST REMARKABLE

EVENTS OF HIS REIGN

FROM THE YEAR 1625 TO 1649

BY SAMUEL JOHNSON

IN TWO VOLUMES. THE SECOND VOLUME.

LONDON: Printed by A. MILLAR, in Pall-mall.

MDCCLXXII.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3623 /UBND-KT

Bình Phước, ngày 03 tháng 12 năm 2019

V/v điều chỉnh một số nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Nhà máy Chế biến Cao su Thuận Phú – Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Đồng Phú;
- Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2639/STNMT-CCBVM ngày 02/12/2019 về việc điều chỉnh một số nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Nhà máy Chế biến Cao su Thuận Phú – Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú,

Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được lắp đặt thêm 01 hệ thống lò hơi tăng sôi sử dụng nhiên liệu đốt là biomass, công suất 05 tấn hơi/giờ thay thế cho 02 lò sấy mù hiện hữu sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO và 02 lò sấy mù bằng dầu DO này dùng để dự phòng trong trường hợp lò hơi tăng sôi sử dụng nhiên liệu biomass bị sự cố.

2. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú trong quá trình triển khai thực hiện Dự án phải xây dựng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những nội dung thay đổi đã được cơ quan phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường chấp thuận; lập hồ sơ để được xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đạt QCVN mới được phép thải ra môi trường theo quy định.

3. Văn bản này đính kèm với Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm Nhà máy Chế biến Cao su Thuận Phú – Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú làm chủ đầu tư đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 17/7/2009, là cơ sở để các ngành chức năng thanh tra, kiểm tra việc bảo vệ môi trường của Dự án theo quy định.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp chính quyền địa phương và các ngành có liên quan theo dõi, kiểm tra, xác nhận việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như trên;
- Lãnh đạo VP; P. KT;
- Lưu: VT_(BH-7-CVTD).



Nguyễn Anh Minh

Số: 98 /GP-UBND

Bình Phước, ngày 31 tháng 12 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 909/ĐĐN-CSDP ngày 23/12/2019 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 810/TTr-STNMT ngày 26/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú, địa chỉ tại thôn Thuận Phú 2, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước được xả nước thải của Xí nghiệp Chế biến Cao su Tân Lập vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Suối Cầu Cháy thuộc thôn Thuận Phú 2, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

2. Vị trí nơi xả nước thải:

- Thôn Thuận Phú 2, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải vào suối Cầu Cháy (VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 106⁰15'): X: 568.191; Y: 1.281.798.

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, nước thải phát sinh từ các hoạt động của Xí nghiệp được thu gom đưa vào Hệ thống xử lý nước thải, sau đó chảy qua mương dẫn xả nước thải ra nguồn tiếp nhận là suối Cầu Cháy.

4. **Chế độ xả nước thải:** 24 giờ/ngày.đêm, 10 tháng/năm (từ giữa tháng 4 năm này đến giữa tháng 02 năm sau).

5. **Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 792 m³/ngày.đêm; 33 m³/giờ.

6. Chất lượng nước thải:

- Giá trị các thông số và nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải vào nguồn nước đạt cột A của QCVN 01-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$.

- Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải của Xí nghiệp Chế biến Cao su Thuận Phú - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được phép xả nước thải như bảng sau:

Bảng 1: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	QCVN 01-MT:2015/BTNMT cột A ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$)
1	pH	-	6-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	49,5
3	COD	mg/l	99
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	29,7
5	Tổng nitơ	mg/l	49,5
6	Amoni	mg/l	14,85

7. Thời hạn của giấy phép: Năm (05) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú trong việc xả nước thải của Xí nghiệp Chế biến Cao su Thuận Phú vào nguồn nước:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận:

a) Quan trắc định kỳ theo tần suất 03 tháng/lần đối với thông số lưu lượng, chất lượng nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải và nước thải sau xử lý tại điểm trước khi xả vào nguồn tiếp nhận với các thông số quy định tại Bảng 1 nêu trên.

b) Quan trắc định kỳ tần suất 03 tháng/lần chất lượng nước nguồn tiếp nhận tại điểm xả vào suối Cầu Cháy và 02 điểm cách điểm xả nước thải vào suối Cầu Cháy 100 mét về phía thượng nguồn và hạ nguồn với các thông số quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

3. Nghiêm túc thực hiện việc vận hành Hệ thống xử lý nước thải của Xí nghiệp bảo đảm xử lý nước thải đạt cột A của QCVN 01-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$ trước khi xả vào suối Cầu Cháy.

4. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả nước thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng tại địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

5. Thực hiện điều chỉnh nội dung Giấy phép trong các trường hợp: Nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận nước thải; nhu cầu xả nước thải tăng mà chưa có biện pháp xử lý khắc phục; xảy ra các tình huống đặc biệt cần phải hạn chế việc xả nước thải vào nguồn nước.

6. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

7. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, yêu cầu Công ty tổng hợp báo cáo tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng nước thải, thông số, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận suối Cầu Cháy về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú còn tiếp tục xả nước thải vào nguồn nước thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Đồng Phú;
- Công ty CP Cao su Đồng Phú;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT_(BH-J0-GP).



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

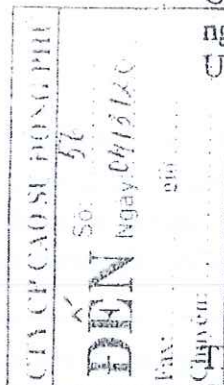
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 465 /UBND-KT

Bình Phước, ngày 03 tháng 3 năm 2020

V/v đính chính nội dung
Giấy phép xả nước thải vào
nguồn nước số 98/GP-
UBND ngày 31/12/2019



Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 379/STNMT-TNN&KS ngày 27/2/2020 về việc đính chính tên cơ sở xả nước thải của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú đã được xác định tại Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 98/GP-UBND ngày 31/12/2019,

Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đính chính tên cơ sở xả nước thải của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú tại Điều 1 Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 98/GP-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước: từ "Xí nghiệp chế biến cao su Tân Lập" thành "Xí nghiệp chế biến cao su Thuận Phú".

2. Các nội dung khác của Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 98/GP-UBND ngày 31/12/2019 không thay đổi./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như trên;
- UBND huyện Đồng Phú;
- Lãnh đạo VP; P. KT;
- Lưu: VT_(BH-09-CVCT) 3



Phạm Thị Ánh Hoa

Số: 14 /GP-UBND

Bình Phước, ngày 13 tháng 3 năm 2020

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú ngày 10/02/2020 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 115/TTr-STNMT ngày 06/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú, địa chỉ tại ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước được khai thác, sử dụng nước mặt với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Công trình khai thác, sử dụng nước mặt từ hồ Suối Lam.

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cho các hoạt động sản xuất, sinh hoạt, tưới cây xanh và rửa đường của Xí nghiệp Chế biến Thuận Phú, Bệnh viện Đa khoa và Văn phòng thuộc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Nước mặt từ hồ Suối Lam.

4. Vị trí công trình khai thác, sử dụng nước:

- Tại ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Công trình khai thác, sử dụng nước mặt nằm trong khuôn viên đất của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00639 ngày 16/6/2008 với diện tích 37.402 m² và số T00663 ngày 16/6/2008 với diện tích 29.460,5 m²).

- Tọa độ trạm bơm nước (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°): X: 569.036; Y: 1.283.233.

5. Chế độ khai thác: 15 giờ/ngày đêm, công trình hoạt động 12 tháng/năm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng:

- Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong ngày: $736 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ($720,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ sử dụng cho hoạt động của Xí nghiệp Chế biến Thuận Phú; $5,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ sử dụng cho hoạt động của Bệnh viện Đa khoa và $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ sử dụng cho hoạt động của Văn phòng thuộc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú).

- Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong tháng: $22.816 \text{ m}^3/\text{tháng}$.

- Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong năm: $268.640 \text{ m}^3/\text{năm}$.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Nước mặt từ hồ Suối Lam được bơm bằng 03 máy bơm nước thô (máy bơm 01 có công suất 40 HP, máy bơm 02 có công suất 30 HP, máy bơm 03 có công suất 30 HP hoạt động luân phiên nhau). Nước được bơm qua đường ống dẫn (ống sắt, $\varnothing 168$, dài 500 m) về hệ thống xử lý nước cấp, sau đó được bơm lên 01 đài chứa nước (cao 12 m, dung tích 200 m^3). Từ đây nước được cung cấp cho các hoạt động của Xí nghiệp Chế biến Thuận Phú, Bệnh viện Đa khoa và Văn phòng thuộc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.

8. Thời hạn của giấy phép: Mười (10) năm.

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Trong quá trình khai thác, sử dụng nước mặt, đầu tư, lắp đặt thiết bị, bố trí nhân lực quản lý, thực hiện quan trắc lưu lượng khai thác với chế độ giám sát không quá 12 giờ 01 lần và cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát tối thiểu 01 ngày 01 lần trước 20 giờ hàng ngày. Đối với các thông số đánh giá chất lượng nước trong quá trình khai thác, thực hiện cập nhật kết quả phân tích các thông số vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày kể từ khi có kết quả phân tích.

3. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

4. Thực hiện các biện pháp chống xói lở bờ, bồi, lắng hồ Suối Lam nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đang khai thác, sử dụng nước mặt từ hồ Suối Lam.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường; nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng, lưu lượng nguồn nước và môi trường, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú phải báo cáo kịp thời cho các cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý.

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc giám sát định kỳ theo quy định.

Điều 3. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Thuế tỉnh Bình Phước;
- UBND huyện Đồng Phú;
- Công ty CP Cao su Đồng Phú;
- Lãnh đạo VP, P. KT;
- Lưu: VT_(BH-11-GP).

lc
IG CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

4. The first part of the paper is devoted to the study of the properties of the function $f(x)$ defined by the equation $f(x) = \int_0^x f(t) dt$. It is shown that $f(x)$ is a constant function and that its value is zero.

5. In the second part of the paper, we consider the function $f(x)$ defined by the equation $f(x) = \int_0^x f(t) dt$. It is shown that $f(x)$ is a constant function and that its value is zero.

REFERENCES

1. A. I. Markushevich, *Mathematical Analysis*, Moscow, 1968.
2. A. I. Markushevich, *Mathematical Analysis*, Moscow, 1968.
3. A. I. Markushevich, *Mathematical Analysis*, Moscow, 1968.
4. A. I. Markushevich, *Mathematical Analysis*, Moscow, 1968.
5. A. I. Markushevich, *Mathematical Analysis*, Moscow, 1968.



UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125/STNMT-CCBVMT

Bình Phước, ngày 16 tháng 5 năm 2020

V/v thông báo kết quả kiểm tra các
công trình xử lý chất thải để vận hành
thử nghiệm của Công ty Cổ phần cao
su Đồng Phú

Kính gửi: Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; Biên bản kiểm tra các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm ngày 04/8/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

Đối với công trình thu gom, xử lý khí thải từ hệ thống lò hơi tầng sôi sử dụng nhiên liệu đốt là biomass:

Công ty đã đầu tư 01 hệ thống lò hơi tầng sôi sử dụng nhiên liệu đốt là biomass, công suất 05 tấn hơi/giờ.

Khí thải phát sinh được thu gom và xử lý như sau: khí thải → buồng đốt lưu (sấy không khí) → bộ hâm nước → thiết bị lọc bụi Cyclone chùm → hệ thống đập bụi → ống khói cao 19,2m, đường kính 600 mm → thải ra môi trường.

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm Nhà máy chế biến mủ cao su Thuận Phú tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú làm chủ đầu tư; Công văn số 3623/UBND-KT ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy Chế biến cao su Thuận Phú – Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú.

Căn cứ kết quả kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê



duyet Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm Nhà máy chế biến mủ cao su Thuận Phú tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú làm chủ đầu tư; Công văn số 3623/UBND-KT ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy Chế biến cao su Thuận Phú – Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú đã đủ điều kiện để vận hành thử nghiệm.

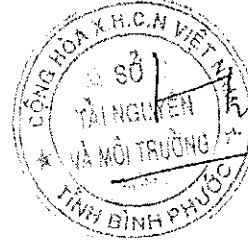
Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường. / *Duyệt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVMT.

Đe

GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng Lâm

**UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số: 2252 /STNMT-CCBVMT

V/v thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Nhà máy chế biến mùn cao su Thuận Phú

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 14 tháng 9 năm 2020

Kính gửi: Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; Biên bản kiểm tra các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm ngày 04/8/2020 của dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm Nhà máy chế biến mùn cao su Thuận Phú tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú làm chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án như sau:

Đối với công trình thu gom, xử lý khí thải từ hệ thống lò hơi tầng sôi sử dụng nhiên liệu đốt là biomass:

Công ty đã đầu tư 01 hệ thống lò hơi tầng sôi sử dụng nhiên liệu đốt là biomass, công suất 05 tấn hơi/giờ.

Khí thải phát sinh được thu gom và xử lý như sau: khí thải → buồng đối lưu (sấy không khí) → bộ hâm nước → thiết bị lọc bụi Cyclone chùm → hệ thống đập bụi → ống khói cao 19,2m, đường kính 600 mm → thải ra môi trường.

Căn cứ các Phiếu kết quả kiểm nghiệm mẫu khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 168-1.0620.05/KQ ngày 02/7/2020, THH-0920.44/0720 ngày 17/7/2020, THH-1019.13/0720 ngày 01/8/2020, THH-1611.21/0820 ngày 18/8/2020, THH-1614.36/0820 ngày 19/8/2020, THH-1620.19/0820 ngày 20/8/2020, THH-1630.13/0820 ngày 21/8/2020, THH-1634.11/0820 ngày 22/8/2020, THH-1636.05/0820 ngày 25/8/2020, THH-1644.07/0820 ngày 25/8/2020 của Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng thí chất lượng khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải có các chỉ tiêu: lưu lượng, nhiệt độ, bụi, CO, NO_x, SO₂, đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k₁ = 1,2, k_p = 1).

Căn cứ Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải đối chứng số 08.20.85 ngày 24/8/2020 của Công ty CP TV Môi trường Hải Âu thí chất lượng khí thải sau xử

lý của hệ thống xử lý khí thải có các chỉ tiêu: lưu lượng, nhiệt độ, bụi, CO, NO_x, SO₂ đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_v = 1,2, k_p = 1$).

Căn cứ kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến mủ cao su Thuận Phú tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú làm chủ đầu tư cho thấy Dự án đã đủ điều kiện để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường. *Đích*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVMT.



Lê Hoàng Lâm

**GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

của Dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm của Nhà máy chế biến cao su Thuận Phú (điều chỉnh lò hơi tăng sôi sử dụng nhiên liệu đốt là biomass, công suất 05 tấn hơi/giờ thay thế cho 02 lò sấy mù sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO) tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú làm chủ đầu tư

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú.
- Địa chỉ văn phòng: ấp Thuận Phú 1, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Địa điểm hoạt động: xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại: 0271819786
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3800100376, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/7/2018. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2033/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh Bình Phước; Công văn số 3623/UBND-KT ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh một số nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Nhà máy chế biến cao su Thuận Phú – Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư nâng công suất từ 5.000 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm của Nhà máy chế biến cao su Thuận Phú (điều chỉnh lò hơi tăng sôi sử dụng nhiên liệu đốt là biomass, công suất 05 tấn hơi/giờ thay thế cho 02 lò sấy mù sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO) tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú làm chủ đầu tư (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của Chủ dự án:

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

- Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Giấy xác nhận này thay thế Giấy xác nhận số: 06/GXN-STNMT ngày 04/10/2012 và Giấy xác nhận số: 28/GXN-STNMT ngày 31/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. / *Đinh*

Nơi nhận:

- Như mục I;
- P.TN&MT huyện Đồng Phú;
- Lưu: VT, CCBVMT.



Lê Hoàng Lâm

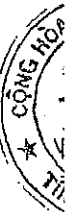


PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 29 /GXN-STNMT ngày 06 tháng 06 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải:

- Công ty đã đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống nhựa đường kính 220mm để tiếp tục xử lý.
- Nước thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất (nước thải rửa mũ, nước thải rửa xe) được thu gom tập trung về cuối nhà xưởng bằng hệ thống thu gom là mương gạch hờ có chiều rộng 300mm, sâu khoảng 500mm chiều dài khoảng 150m, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.
- Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất công suất 900 m³/ngày đêm với quy trình xử lý: Nước thải từ dây chuyền mũ tập vào bể kỵ khí + nước thải từ dây chuyền mũ nước vào bể kỵ khí kết hợp → Bể tảo (09 bể) → Bể ổn định (01 bể) → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng sinh học → Bể chứa sau xử lý → Nguồn tiếp nhận (QCVN 01-MT:2015/BTNMT cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$)).
- Kích thước, cấu tạo của từng hạng mục, công trình của hệ thống xử lý nước thải như sau:
 - + Bể kỵ khí: kích thước 93m x 30m x 2,5m, kết cấu: Hồ đất, lót bạt HDPE chống thấm;
 - + Bể kỵ khí kết hợp (03 bể): kích thước 62,6m x 32,2m x 1,8m, kết cấu: bê tông cốt thép;
 - + Bể tảo (09 bể): kích thước 93m x 30m x 1,1m, kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE;
 - + Bể ổn định: kích thước 90m x 30m x 2,1m, kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE;
 - + Bể thiếu khí 1: kích thước 13,6m x 6,0m x 5,0m, kết cấu: bê tông cốt thép, sika chống thấm;
 - + Bể hiếu khí 1: kích thước 13,6m x 9,5m x 5,0m, kết cấu: bê tông cốt thép, sika chống thấm;



+ Bể thiếu khí 2: kích thước 6,2m x 5,0m x 5,0m, kết cấu: bê tông cốt thép, sika chống thấm;

+ Bể hiếu khí 2: kích thước 7,1m x 5,0m x 5,0m, kết cấu: bê tông cốt thép, sika chống thấm;

+ Bể lắng sinh học: kích thước 8,5m x 8,5m x 4,5m, kết cấu: bê tông cốt thép, sika chống thấm;

+ Bể chứa nước sau xử lý: kích thước 6,0m x 2,1m x 4,5m, kết cấu: bê tông cốt thép, sika chống thấm;

- Công ty sử dụng hóa chất là Polymer-Cation cho công đoạn ép bùn.

- Hạng mục công trình này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số: 28/GXN-STNMT ngày 31/10/2019.

2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công ty đã đầu tư 01 hệ thống lò hơi tầng sôi sử dụng nhiên liệu đốt là biomass, công suất 05 tấn hơi/giờ.

- Khí thải phát sinh được thu gom và xử lý như sau: Khí thải → Buồng đốt → Buồng đối lưu (sấy không khí) → Bộ hâm nước → Thiết bị lọc bụi Cyclone chùm → Hệ thống đập bụi → Ống khói cao 19,2m, đường kính 600 mm → Thải ra môi trường.

- Trong quá trình vận hành, khí thải tại ống khói của lò hơi tầng sôi đạt nguồn loại B của QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_v = 1,2$, $k_p = 1$).

3. Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động có khả năng tái sử dụng được thu gom và tái sử dụng tại Nhà máy.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động không có khả năng tái sử dụng và rác thải sinh hoạt được Công ty ký Hợp đồng với Đội vệ sinh môi trường địa phương thu gom, xử lý.

- Công trình này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số: 06/GXN-STNMT ngày 04/10/2012.

4. Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại:

- Công ty đã thực hiện đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên và Môi trường có mã số QLCTNH: 70.000035.T cấp lần 3 ngày 30/10/2019. Công ty đã xây dựng kho chứa CTNH, có phân loại từng loại chất thải (dán nhãn phân loại và đã bố trí rãnh thu gom và hố thu gom phòng ngừa sự

cổ); chất thải sau khi thu gom được Công ty hợp đồng với Công ty TNHH Công nghệ môi trường Bình Phước Xanh để thu gom, vận chuyển và xử lý tại Hợp đồng số 26/2020/HĐXL/BPX-CSĐP ngày 01/02/2020.

- Công trình này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số: 06/GXN-STNMT ngày 04/10/2012.

5. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Công ty đã hoàn thiện hồ sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Hồ sự cố hình chữ nhật, thành và đáy hồ được lót bạt HDPE có vách nghiêng 45° so với phương thẳng đứng, kích thước hồ là 90m x 30m x 2,1m. Hồ sự cố có nhiệm vụ lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải có sự cố xảy ra.

- Công ty đã trang bị các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy cho Nhà máy. Đã bố trí các quạt công nghiệp, quạt thông gió cho khu vực xưởng sản xuất của Nhà máy.

- Đã trồng cây xanh đạt tỷ lệ diện tích theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6. Chương trình quan trắc môi trường:

6.1. Giám sát không khí môi trường lao động:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực mỏ tinh.

01 điểm tại khu vực mỏ tạp.

01 điểm tại khu vực đóng gói thành phẩm.

+ Chỉ tiêu giám sát: Tiếng ồn, bụi, CO, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S, THC.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

6.2. Giám sát khí thải:

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải

H.C.I
SỞ
NGUY
MÔI TR
BÌNH

- + Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi, CO, NO₂, SO₂.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_v = 1,2$, $k_p = 1$).

6.3. Giám sát môi trường nước thải:

- + Vị trí giám sát: 01 điểm tại bể chứa nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- + Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nitơ, Amoni.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 01 – MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên, cột A ($K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$).

6.4. Giám sát môi trường nước mặt:

- + Vị trí giám sát: 01 điểm tại trạm bản Hồ suối Lam; 01 điểm tại vị trí xả thải vào suối Cầu Cháy; 01 điểm cách vị trí xả 100m về hạ nguồn.
- + Chỉ tiêu giám sát: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, nitrit, nitrat, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, E.coli, Coliform.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước mặt.

6.5. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

a. Chất thải rắn thông thường:

- + Tần suất: giám sát thường xuyên liên tục, có thực hiện báo cáo 01 năm/ lần.
- + Thông số: số lượng, thành phần.
- + Tiêu chuẩn so sánh: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

b. Chất thải nguy hại:

- + Tần suất: giám sát thường xuyên liên tục, có thực hiện báo cáo 01 năm/lần.
- + Thông số: số lượng, thành phần.

+ Tiêu chuẩn so sánh: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Yêu cầu Công ty, trong quá trình hoạt động phải thường xuyên vận hành các công trình bảo vệ môi trường, đảm bảo xử lý các chất thải đạt QCVN theo quy định. Nước thải phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 01 – MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên, cột A ($K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$) trước khi thải ra môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Công ty phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

The first of these is the fact that the
the first of these is the fact that the
the first of these is the fact that the
the first of these is the fact that the
the first of these is the fact that the

The second of these is the fact that the
the second of these is the fact that the
the second of these is the fact that the
the second of these is the fact that the
the second of these is the fact that the

The third of these is the fact that the
the third of these is the fact that the
the third of these is the fact that the
the third of these is the fact that the
the third of these is the fact that the



UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

Số: 3231/STNMT-CCBVM

V/v hoàn thành lắp đặt và kết nối dữ
liệu hệ thống quan trắc nước thải tự
động, liên tục của Xí nghiệp cơ khí chế
biến Thuận Phú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 17 tháng 12 năm 2020

Ký bởi: Sở Tài nguyên
Môi trường
Ngày ký: 17-12-2020
16:03:55 +07:00

Kính gửi: Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường;

Căn cứ Biên bản kiểm tra các đặc tính và độ chính xác tương đối của Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Xí nghiệp cơ khí chế biến Thuận Phú – Công ty CP cao su Đồng Phú ngày 14/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét Hồ sơ và Báo cáo đánh giá, kiểm soát chất lượng Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục của Xí nghiệp cơ khí chế biến Thuận Phú - Công ty CP cao su Đồng Phú (gọi tắt Công ty) tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận Công ty đã thực hiện một số nội dung như sau:

1. Về hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư, lắp đặt Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Xí nghiệp cơ khí chế biến Thuận Phú theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các yêu cầu chính về đặc tính kỹ thuật và tính năng của hệ thống được thiết kế, lắp đặt gồm:

- Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục được lắp đặt tại Xí nghiệp cơ khí chế biến Thuận Phú để quan trắc các thông số trong nước thải sau xử lý gồm: lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD và Amoni. Các thiết bị quan trắc đã được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định.

- Hồ sơ quản lý liên quan đến Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục được xây dựng theo Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Về việc tiếp nhận, truyền và quản lý dữ liệu:

Qua thời gian theo dõi việc tiếp nhận dữ liệu từ Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Xí nghiệp bao gồm các thông số: lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD và Amoni với tần suất truyền dữ liệu là 05 phút/lần về máy chủ, đặt tại Sở Tài nguyên và Môi trường bắt đầu từ tháng 11/2020 đến nay cho thấy Hệ thống cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu quy định điều kiện để tiếp nhận và vận hành chính thức.

3. Để đảm bảo việc quản lý, vận hành Hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục đúng quy định, yêu cầu Công ty:

- Thường xuyên vận hành, bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định, sửa chữa và thay thế định kỳ thiết bị quan trắc theo quy trình vận hành của thiết bị đáp ứng yêu cầu tại Điều 50, Điều 51, Điều 52 và Điều 56 của Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bảo đảm Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoạt động ổn định, tin cậy và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định. Trường hợp kết quả quan trắc nước thải vượt quy chuẩn cho phép phải dừng ngay hoạt động xả nước thải và lưu giữ trong Hồ sơ cố để thực hiện khắc phục sự cố và thông báo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện kiểm soát chất lượng của Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục định kỳ ít nhất 01 lần/năm theo quy định của Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện.

Trên đây là nội dung xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường, yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT.

[Chữ ký]



Lê Hoàng Lâm

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 31 tháng 6 năm 2021

SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 70.000035.T
(Cấp lần bốn)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.

Địa chỉ trụ sở chính: xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.819786 Fax: 0271.3819620

Tài khoản số 431101000001 Tại: Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Bình Phước

Giấy đăng ký kinh doanh số: 3800100376 cấp lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/7/2018.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo Danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

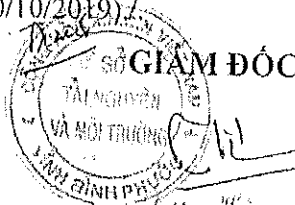
1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sở đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động (và thay thế Sở đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 70.000035.T cấp lần ba ngày 30/10/2019).

Nơi nhận:

- Công ty CP cao su Đồng Phú;
- Lưu: CCBVMT. *phk*



Nguyễn Hoàng Anh Tuấn

PHỤ LỤC

(Kèm theo) Sổ đăng ký chủ nguồn tài CTNH có mã số QLCTNH: 70.000035.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp lần bốn ngày 01 tháng 6 năm 2021)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

1.1. Xi nghiệp Chế biến Thuận Phú.

Địa chỉ: xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3819601

Fax: 0271.3819534

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Sơ chế mù cao su.

1.2. Nhà máy chế biến Tân Lập.

Địa chỉ: Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3842377

Fax: 0271.3843343

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Sơ chế mù cao su.

1.3. Bệnh viện đa khoa cao su Đồng Phú.

Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3819601

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Khám và điều trị bệnh.

1.4. Nông trường cao su Thuận Phú.

Địa chỉ: xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3819.984

Fax: 0271.3819.790

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Trồng, chăm sóc và khai thác cao su.

1.5. Nông trường cao su Tân Thành.

Địa chỉ: xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3814.001

Fax: 0271.3814.450

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Trồng, chăm sóc và khai thác cao su.

1.6. Nông trường cao su Tân Lợi.

Địa chỉ: xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3896.501

Fax: 0271.3896.632

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Trồng, chăm sóc và khai thác cao su.

1.7. Nông trường cao su Tân Lập.

Địa chỉ: xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3842.469

Fax: 0271.3843.198

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Trồng, chăm sóc và khai thác cao su.

1.8. Nông trường cao su Tân Hưng.

Địa chỉ: xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3819.666

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Trồng, chăm sóc và khai thác cao su.

1.9. Nhà máy chế biến mù tở tại Nông trường cao su Tân Hưng

Địa chỉ: xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3819786 – 3819709

Fax: 0271.3819620

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Chế biến mù tở

1.10. Nông trường cao su An Bình.

Địa chỉ: xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3688.053

Fax: 0271.3672.944

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Trồng, chăm sóc và khai thác cao su.

1.11. Xưởng sơ chế chuối tươi xuất khẩu

Địa chỉ: xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3819.786 – 3819.709

Fax: 0271.3819.620

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Sơ chế nông sản

1.12. Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đồng Phú

Địa chỉ: xã Tân Lập, xã Tân Tiến và Thị trấn Tân Phú huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0271.3819.786 – 3819.709

Fax: 0271.3819.62

Loại hình (ngành nghề) hoạt động: Trồng và chế biến chuối xuất khẩu; sản xuất nấm, rau, củ quả.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính):**2.1. Xi nghiệp Chế biến Thuận Phú**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	06	16 01 06
2	Dầu nhiên liệu và dầu Diesel thải	Lỏng	180	17 06 01
3	Bao bì mềm thải (bao ny lông dính dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	03	18 01 01
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phi chứa dầu nhớt)	Rắn	200	18 01 02

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa dính dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	150	18 01 03
6	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), vải, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	06	18 02 01
	Tổng khối lượng		545	

2.2 Nhà máy chế biến Tân Lập

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	04	16 01 06
2	Dầu nhiên liệu và dầu Diesel thải	Lỏng	140	17 06 01
3	Bao bì mềm thải (bao ny lông dính dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	03	18 01 01
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phi chứa dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	200	18 01 02
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa dính dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	150	18 01 03
6	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), vải, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	06	18 02 01
	Tổng khối lượng		503	

2.3 Bệnh viện đa khoa cao su Đồng Phú

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm bệnh phẩm và chất thải sắc nhọn, kim tiêm thải)	Lỏng/Rắn	10	13 01 01
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng/Rắn	02	13 01 02
3	Dược phẩm gây độc tế bào	Lỏng/Rắn	01	13 01 03
4	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế)	Rắn	0,5	13 03 02
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	04	16 01 06

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
6	Bao bì mềm thải (bao nilon dính hóa chất)	Rắn	01	18 01 01
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa đựng thuốc, vỏ chai dịch truyền)	Rắn	05	18 01 03
8	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (vỏ chai bằng thủy tinh hoặc Composit thải)	Rắn	15	18 01 04
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau, găng tay dính bệnh phẩm, bông băng thải)	Rắn	12	18 02 01
Tổng khối lượng			50,5	

2.4 Nông trường cao su Thuận Phú

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	Rắn	240	14 01 06
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	06	16 01 06
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	60	17 06 01
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	06	18 02 01
5	Pin/ ắc quy chì thải	Rắn	24	19 06 01
Tổng khối lượng			336	

2.5 Nông trường cao su Tân Thành

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	Rắn	200	14 01 06
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	06	16 01 06
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	50	17 06 01
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	06	18 02 01

5	Pin/ ắc quy chì thải	Rắn	24	19 06 01
Tổng khối lượng			286	

2.6 Nông trường cao su Tân Lợi

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	Rắn	200	14 01 06
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	06	16 01 06
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	50	17 06 01
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	06	18 02 01
5	Pin/ ắc quy chì thải	Rắn	24	19 06 01
Tổng khối lượng			286	

2.7 Nông trường cao su Tân Lập

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	Rắn	240	14 01 06
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	06	16 01 06
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	60	17 06 01
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	06	18 02 01
5	Pin/ ắc quy chì thải	Rắn	24	19 06 01
Tổng khối lượng			336	

2.8 Nông trường cao su Tân Hưng

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	Rắn	120	14 01 06
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	06	16 01 06
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	40	17 06 01
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật	Rắn	06	18 02 01

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
	liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại			
5	Pin/ ắc quy chì thải	Rắn	24	19 06 01
	Tổng khối lượng		196	

2.9 Nhà máy chế biến mù tở tại Nông trường cao su Tân Hưng

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	Lỏng	06	17 02 03
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	06	18 02 01
3	Bao bì mềm thải (bao nilong dính mỡ, dầu nhớt thải)	Rắn	40	18 01 01
4	Bao bì cứng bằng nhựa (thùng, can nhựa chứa dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	70	18 01 03
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	30	16 01 06
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	250	19 06 01
	Tổng khối lượng		402	

2.10 Nông trường cao su An Bình

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	Rắn	200	14 01 06
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	06	16 01 06
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	50	17 06 01
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	06	18 02 01
5	Pin/ ắc quy chì thải	Rắn	24	19 06 01
	Tổng khối lượng		286	

2.11. Xưởng sơ chế chuối tươi xuất khẩu

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06
2	Dầu nhiên liệu và dầu Diesel thải	Lỏng	156	17 06 01
3	Bao bì mềm thải (bao nilong dính dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	06	18 01 01
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phi chứa dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	135	18 01 02
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa dính dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	160	18 01 03
6	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), vải, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
7	Pin/ ắc quy chì thải	Rắn	05	19 06 01
Tổng khối lượng			522	

2.12. Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đồng Phú.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	Rắn	500	14 01 06
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	05	16 01 06
3	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	100	16 01 08
4	Bao bì mềm thải (bao bì chứa hóa chất)	Rắn	20	18 01 01
6	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	50	18 01 04
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01
Tổng khối lượng			695	

3. Danh sách chất thải nguy hại đăng ký tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại các cơ sở (nếu có): không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thuận phú, ngày 01 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT

Căn cứ bộ luật dân sự năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ nhu cầu thực tế của đơn vị.

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại Xí nghiệp Chế biến Thuận Phú.

Đại diện bên A: Xí nghiệp chế biến Thuận Phú.

Ông (bà) : Lê Trí Nhân

Chức vụ : Giám đốc Xí nghiệp chế biến Thuận Phú

Điện thoại : 0271.3818900

Đại diện bên B: Ấp Thuận phú 2

Ông (bà) : Phan Nhật Cường

Địa chỉ : Ấp Thuận phú 2 xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Cùng thỏa thuận thu gom rác thải sinh hoạt với các điều khoản sau.

Điều 1. Nội dung công việc, giá của hợp đồng.

Bên A đồng ý hợp đồng bên B thu gom rác từ điểm tập kết rác của bên A đến điểm trung chuyển rác của bên B mỗi ngày một lần thời gian từ 15 giờ đến 17 giờ hàng ngày.

Một năm số tiền thỏa thuận là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng chẵn). Sáu tháng bên A thanh toán cho bên B một lần số tiền là 3.000.000 đồng bằng tiền mặt, (ba triệu đồng chẵn) vào ngày 25 đến ngày 30 của tháng cuối.

Điều 2. Trách nhiệm bên A.

Bên A có trách nhiệm tập trung rác đến nơi quy định đã được 2 bên thỏa thuận và thông báo cho bên B trước nếu có thay đổi về thời gian và địa điểm thu gom và tạo điều kiện cho bên B vào công thu gom.

Thanh toán phí thu gom đúng theo thỏa thuận ở điều 1.

Điều 3. Trách nhiệm bên B.

Bên B có trách nhiệm thu gom rác thải của bên A đến nơi tập trung rác thải của bên B đúng thời gian quy định đồng thời chịu trách nhiệm xử lý khi để xảy ra tình trạng tràn đổ trên đường vận chuyển.

Đảm bảo phải thu gom hết rác trong ngày không để rác tồn đọng đến ngày hôm sau.

Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn lao động khi lấy rác tại điểm tập kết.

Điều 4. Điều khoản chung.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì trở ngại hai bên sẽ cùng bàn bạc giải quyết và điều chỉnh hợp đồng cho phù hợp.

Hợp đồng được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau./.

Xác nhận của bên A

Lê Trí Nhân

phần nhất Quy

PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Văn Quyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI
Số: 000.523/2024/CGQ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, hiệu lực thi hành 01/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 16/03/2020 của Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý;

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên,

Hôm nay, ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại Văn phòng Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

- Địa chỉ NM : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
- Địa chỉ VP : 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP 6, P. Tân Hưng Thuận, Q.12, TP.HCM
- Điện thoại : 0769 000 769
- Mã số thuế : 3800743345
- Tài khoản : 6282 8888 9999 Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Phú Nhuận, TP.HCM
- Đại diện : Ông CAO VĂN VIÊN - Chức vụ : Giám đốc

Sau đây gọi tắt là Bên A

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

- Địa chỉ : Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
- Mã số thuế : 3800100376
- Đại diện : Ông HỒ CƯỜNG - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại :

Sau đây gọi tắt là Bên B

Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường không dính thành phần nguy hại theo những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ

- Bên A nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường không dính thành phần nguy hại (sau đây gọi tắt là Chất thải) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của bên B.
- Địa điểm tiếp nhận: được thể hiện tại Mục 2.2 của Điều 2 hợp đồng này.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ, DANH MỤC CHẤT THẢI VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá: Đơn giá khoán trọn cho 1 năm là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Số lượng tối đa cho các địa điểm thu gom là 3.5 tấn/ năm, nếu vượt 3.5 tấn/ năm, tính đơn giá vượt 10.000 đồng/kg.

2.2. Danh mục chất thải nguy hại được xử lý tại các địa chỉ nhà máy và nông trường của công ty bao gồm:

1. Xí nghiệp chế biến Thuận Phú; Địa chỉ Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VNĐ/KG)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	rắn	
2	Dầu nhiên liệu và dầu Diesel thải	17 06 01	Lỏng	
3	Bao bì mềm thải(Bao ny lông dính dầu nhớt, hóa chất thải)	18 01 01	Rắn	
4	Bao cứng thải bằng nhựa kim loại (thùng Phi chứa dầu nhớt)	18 01 02	Rắn	
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa dính dầu nhớt, hóa chất thải)	18 02 03	rắn	
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), vải, dẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	rắn	

2. Nhà máy chế biến Tân Lập: Địa chỉ Xã Tân lập, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VNĐ/KG)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	rắn	
2	Dầu nhiên liệu và dầu Diesel thải	17 06 01	Lỏng	
3	Bao bì mềm thải(Bao ny lông dính dầu nhớt, hóa chất thải)	18 01 01	Rắn	
4	Bao cứng thải bằng nhựa kim loại (thùng Phi chứa dầu nhớt)	18 01 02	Rắn	
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa dính dầu nhớt, hóa chất thải)	18 02 03	rắn	
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), vải, dẻ lau bị nhiễm các	18 02 01	rắn	

	thành phần nguy hại		
--	---------------------	--	--

3. Bệnh viện đa khoa cao su Đồng Phú: Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VNĐ/KG)
1	Chất thải lây nhiễm (Bao gồm bệnh phẩm và chất thải sắc nhọn, kim tiêm thải)	13 01 01	Lỏng/ rắn	
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Lỏng/ rắn	
3	Dược phẩm gây độc tế bào	13 01 03	Lỏng/Rắn	
4	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế)	13 03 02	Rắn	
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	rắn	
6	Bao bì mềm thải (bo nilon dính hóa chất)	18 01 01	Rắn	
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Thùng , can nhựa đựng thuốc, vỏ chai truyền dịch)	18 01 03	Rắn	
8	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (vỏ chai bằng thủy tinh hoặc composit thải)	18 01 04	Rắn	
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau, gang tay dính bệnh phẩm, bông băng thải)	18 02 01	Rắn	

4. Nông Trường Cao su Thuận Phú: Địa chỉ Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VNĐ/KG)
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	14 01 06	rắn	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Lỏng	
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	

4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	rắn
5	Pin/ ắc quy chì thải	19 06 01	rắn

5. Nông Trường Cao su Tân Thành: Địa chỉ Xã Tân Thành, TP Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VNĐ/KG)
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	14 01 06	rắn	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Lỏng	
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	rắn	
5	Pin/ ắc quy chì thải	19 06 01	rắn	

6. Nông Trường Cao su Tân Lập: Địa chỉ Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VNĐ/KG)
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	14 01 06	rắn	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Lỏng	
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	rắn	
4	Pin/ ắc quy chì thải	19 06 01	rắn	

7. Nông Trường Cao su Tân Hưng: Địa chỉ Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VNĐ/KG)
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	14 01 06	rắn	

2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Lỏng
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	rắn
4	Pin/ ắc quy chì thải	19 06 01	rắn

8. Nhà Máy chế biến mủ tờ tại Nông Trường cao su Tân Hưng; Địa chỉ Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VNĐ/KG)
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	16 01 06	rắn	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Lỏng	
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	
4	Bao cứng thải bằng nhựa kim loại (thùng Phi chứa dầu nhớt)	18 01 02	Rắn	
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	rắn	
6	Pin/ ắc quy chì thải	19 06 01	rắn	

9. Nông Trường Cao su An Bình: Địa chỉ Xã An Bình, huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (VNĐ/KG)
1	Bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	14 01 06	rắn	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Lỏng	
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	rắn	
5	Pin/ ắc quy chì thải	19 06 01	rắn	

Tần suất thu gom: 02 lần / năm đối với 03 nhà máy và 01 bệnh viện; 01 lần/ năm đối với 05 Nông trường.

Trong trường hợp có sự thay đổi về địa điểm thu gom, hai bên tiến hành thương thảo, ký kết phụ lục hợp đồng về việc thay đổi này.

2.3. Phương thức thanh toán

- **Đợt 1:** Sau khi thực hiện đợt thu gom đầu tiên bao gồm các địa điểm: Nhà máy chế biến và Bệnh viện Đa khoa cao su Đồng Phú. Bên A xuất hóa đơn xử lý chất cho bên B với số tiền là: **45.000.000** đồng (chưa bao gồm thuế VAT), bên B thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A xuất hóa đơn.

- **Đợt 2:** Sau khi thực hiện đợt thu gom thứ 2 bao gồm các địa điểm: gồm các địa điểm: Nhà máy chế biến và Bệnh viện Đa khoa cao su Đồng Phú và các Nông trường. Bên A xuất hóa đơn xử lý chất thải cho bên B với số tiền là: **45.000.000** đồng (chưa bao gồm thuế VAT), bên B thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên B xuất hóa đơn.

Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản. Nếu bên B không thông báo thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất giá trị gia tăng bên A được quyền điều chỉnh theo quy định.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1. Trách nhiệm bên A

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên A phải cung cấp cho Bên B bản sao giấy phép kinh doanh; giấy phép vận chuyển CTNH; giấy phép xử lý CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan.
- Bên A thu gom chất thải của bên B, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý của bên A, (hoặc chuyển giao xử lý) các loại chất thải đã tiếp nhận theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo đúng các quy định về môi trường của Nhà nước. Nếu bên A không tuân thủ theo các quy định mà gây ra tác hại về môi trường, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.
- Bên A bố trí thời gian nhận chất thải theo yêu cầu của bên B, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Phối hợp cùng bên B trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Chất thải sau khi chở ra khỏi cổng bên B thì bên A phải chịu mọi trách nhiệm về mặt pháp lý của pháp luật hiện hành.
- Bên A chịu trách nhiệm xác nhận và hoàn trả các liên chứng từ chất thải cho bên B, sau khi hoàn thành việc xử lý theo đúng quy định và mẫu chứng từ hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

3.2. Trách nhiệm bên B

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên B phải cung cấp các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu và đảm bảo tính chính xác của thông tin.
- Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải, chất thải phải được để riêng biệt, không được để lẫn các chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng, không được rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên và mã số chất thải theo quy định pháp luật hiện hành. Thiết bị lưu trữ chất thải do bên B chịu trách nhiệm. Khi thu gom bên A không hoàn trả lại thiết bị lưu trữ.
- Khi có nhu cầu thu gom, xử lý. Bên B thông báo trước cho bên A ít nhất là 48 giờ qua mail hoặc điện thoại hoặc trực tiếp (trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).

- Bên B tạo điều kiện cho bên A trong quá trình thu gom chất thải, hỗ trợ phương tiện nâng hàng lên xe tải của bên A (nếu có).
- Không giao cho bên A các loại chất thải ngoài danh mục trong hợp đồng đã thỏa thuận.
- Phối hợp cùng bên A trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Trong thời gian hiệu lực Hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác thu gom, xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu vi phạm bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A.
- Cam kết thanh toán đầy đủ cho bên A theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- Nếu đến hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán phí cho bên A thì bên B phải chịu phạt do chậm thanh toán với mức phạt theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm thanh toán.

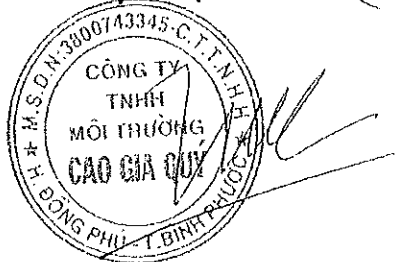
ĐIỀU 4: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được xem là tự động thanh lý trong trường hợp hai bên đã hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều khoản của hợp đồng.
- Nếu một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại bằng văn bản và nêu rõ lý do trước 30 ngày.
- Nếu một trong hai bên muốn điều chỉnh nội dung hợp đồng này thì cần có sự đồng ý của hai bên và sẽ được thể hiện vào PLHD.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

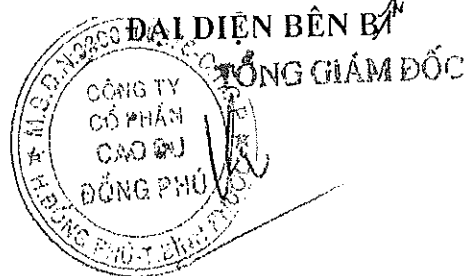
- Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng. Không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Trong trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, bão lụt, động đất, chính sách quốc gia... nằm ngoài khả năng kiểm soát của mỗi bên mà hợp đồng không thực hiện được thì các bên phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia trong vòng 05 ngày và các bên sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
- Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu hai bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân TPHCM để giải quyết. Phán xét của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp giữa hai bên (nếu có).

ĐẠI DIỆN BÊN A



Cao Văn Viên

ĐẠI DIỆN BÊN B



HỒ CUÔNG

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 140122	
Ngày: 21/01/2022 Trang: 1/5		

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**
- Địa chỉ: **Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.**
- Tên mẫu: **Khí thải** Số lượng: **01 mẫu**
- Ký hiệu mẫu:

• KT.140122.001: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải

6. Ngày lấy mẫu: 14/01/2022

Thời gian thử nghiệm: 14/01 – 21/01/2022

7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kp=1; Kv=1,2)
01	Lưu lượng ^(c)	m ³ /h	US EPA Method 2	7.219	-
02	Nhiệt độ ^(b)	°C	HDPP 51-KT	85,2	-
03	Bụi ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	68,7	240
04	CO ^(b)	mg/Nm ³	HDPP 51-KT	795,3	1200
05	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	HDPP 51-KT	36,1	600
06	NO _x ^(b)	mg/Nm ³	HDPP 51-KT	91,4	1020

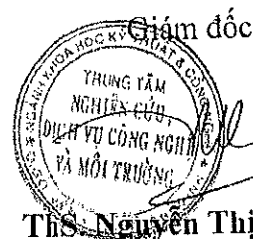
Ghi chú: (-) Không quy định

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí

Giám đốc



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
Ngày: 21/01/2022 Trang: 2/5	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 140122	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**
- Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT.140122.002: Tại lò dầu 1
 - KT.140122.003: Tại lò dầu 2

6. Ngày lấy mẫu: 14/01/2022

Thời gian thử nghiệm: 14/01 – 21/01/2022

7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		QCVN 19:2009, BTNMT Cột B (Kp=1; Kv=1,2)
				KT.140122.002	KT.140122.003	
01	Lưu lượng ^(c)	m ³ /h	US EPA Method 2	4.298	3.523	-
02	Nhiệt độ ^(b)	°C	HDPP 51-KT	68,9	67,2	-
03	Bụi ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	62,2	60,8	240
04	CO ^(b)	mg/Nm ³	HDPP 51-KT	106,5	116,2	1200
05	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	HDPP 51-KT	30,8	32,9	600
06	NO _x ^(b)	mg/Nm ³	HDPP 51-KT	54,2	52,7	1020

Ghi chú: (-) Không quy định

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

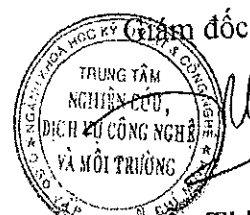
 Ngày: 21/01/2022 Trang: 3/5	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Dt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 140122	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**
- Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - NT.140122.006: Nước thải đầu ra – Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung
- Ngày lấy mẫu: 14/01/2022 Thời gian thử nghiệm: 14/01 – 21/01/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 01-MT:2015/ BTNMT, CỘT A (kq=0,9; kf=1)
1.	pH ^(a,b)		TCVN 6492-2011	7,05	6 – 9
2.	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625-2000	21	45
3.	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1-2008	18	27
4.	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220.C-2012	49	67,5
5.	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	12,4	36
6.	Amoni (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2012	2,1	9

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
Ngày: 21/01/2022 Trang: 4/5	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 140122	

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**
3. Địa chỉ: **Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.**
4. Tên mẫu: **Nước mặt** Số lượng: **03 mẫu**
5. Ký hiệu mẫu:
 - NM.140122.001: Tại trạm bản Hồ Suối Lam.
 - NM.140122.002: Tại vị trí xả thải vào suối Cầu Cháy.
 - NM.140122.003: Cách vị trí xả 100m về hạ nguồn.

6. Ngày lấy mẫu: 14/01/2022

Thời gian thử nghiệm: 14/01 – 21/01/2022

7. Phương pháp thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM
01	pH ^(a,b)		TCVN 6492 : 2011
02	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220.C : 2012
03	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008
04	DO ^(a,b)	mg/L	TCVN 7325:2016
05	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625 – 2000
06	Amoni (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2012
07	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000
08	Tổng Phospho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008
09	Nitrit (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6178:1996
10	Nitrat (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 352.1
11	E.coli ^(b)	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:1996
12	Coliform ^(b)	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:1996

8. Kết quả thử nghiệm:

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
 2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
 4. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận; (b): Chỉ tiêu được VIMCERTS công nhận
(c): Chỉ tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514



Ngày: 21/01/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang: 5/5

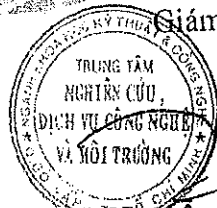
Mã số: 140122

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM			QCVN 08- MT:2015/BTNMT	
			NM.1401 22.001	NM.1401 22.002	NM.1401 22.003	Cột A2	Cột B1
01	pH ^(a,b)	-	6,69	6,82	6,95	6-8,5	5,5-9,0
02	COD ^(b)	mg/L	11,2	16,7	20,9	15	30
03	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	3,6	7,81	7,11	6	15
04	DO ^(a,b)	mg/L	5,1	5,62	6,12	≥5	≥4
05	TSS ^(a,b)	mg/L	10	13,8	13,4	30	50
06	Amoni (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	0,16	0,31	0,35	0,3	0,9
07	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	≤3	≤3	≤3	-	-
08	Tổng Phospho ^(a,b)	mg/L	1,05	1,87	2,37	-	-
09	Nitrit (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,05	0,05
10	Nitrat (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	2,23	2,48	3,67	5	10
11	E.coli ^(b)	MPN/ 100mL	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	50	100
12	Coliform ^(b)	MPN/ 100mL	2.200	3.200	4.600	5.000	7.500

Ghi chú: (-): Không quy định, KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo



- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm NCDV Công nghệ và Môi trường.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
 - Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (a): Chi tiêu được VILAS công nhận; (b): Chi tiêu được Vincerts công nhận
(c): Chi tiêu do Nhà thầu phụ phân tích.

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 262/2022	
Ngày: 24/05/2022 Trang: 1/1		

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**
- Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 03 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KK.170522.002: Khu vực múi tinh
 - KK.170522.003: Khu vực múi tạp
 - KK.170522.004: Khu vực đóng gói thành phẩm
- Ngày lấy mẫu: 17/05/2022 Thời gian thử nghiệm: 17/05 - 24/05/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM			QCVN 03:2019/ BYT
				KK.170522. 002	KK.170522. 003	KK.170522. 004	
1.	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	70,7	71,3	71,4	≤85 ⁽¹⁾
2.	Bụi ^(a,b)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,14	0,15	0,15	6,24 ⁽²⁾
3.	SO ₂ ^(a,b)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,128	0,119	0,121	3,9
4.	NO ₂ ^(a,b)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,126	0,131	0,118	3,9
5.	CO ^(b)	mg/m ³	HDPP-60	<5,0	<5,0	<5,0	15,6
6.	THC ^(c)	mg/m ³	NIOSH Method 1500	KPH	KPH	KPH	-
7.	H ₂ S ^(b)	mg/m ³	MASA Method 701	1,14	1,46	0,832	7,8
8.	NH ₃ ^(b)	mg/m ³	TCVN 5293:1995	3,19	3,95	3,04	13,3

Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện;

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (thời lượng tiếp xúc với hóa chất 48 giờ làm việc/1 tuần làm việc 6 ngày;

⁽¹⁾: QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

⁽²⁾: QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Chậm nhất, trước 15 ngày trước phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm sẽ hủy bỏ hợp đồng thử nghiệm.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiên này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian, từ mẫu từ ngày lấy mẫu, trả kết quả: 07 ngày kể từ ngày lấy mẫu.
- Tên và địa chỉ khách hàng: Theo yêu cầu của khách hàng.

BM 7.8/01

 Ngày: 24/05/2022 Trang: 1/1	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 262/2022	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**
- Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 03 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - KT.170522.001: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải
 - KT.170522.002: Tại lò dầu 1
 - KT.170522.003: Tại lò dầu 2
- Ngày lấy mẫu: 17/05/2022 Thời gian thử nghiệm: 17/05 - 24/05/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM			QCVN 19: 2009/BTNMT Cột B (Kp=1; Kv=1,2)
				KT.1705 22.001	KT.1705 22.002	KT.1705 22.003	
1.	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	7.102	4.067	3.419	-
2.	Nhiệt độ ^(b)	°C	HDPP-47	83,9	67,9	65,3	-
3.	Bụi ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	67,8	61,7	66,4	240
4.	CO ^(b)	mg/Nm ³	HDPP-47	662	128,6	126,2	1200
5.	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	HDPP-47	51,1	28,7	29,5	600
6.	NO _x ^(b)	mg/Nm ³	HDPP-47	79	52,3	50,4	1020

Ghi chú: (-): Không quy định;

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí



Giám đốc

ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 262/2022	
Ngày: 24/05/2022 Trang: 1/1		

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**
- Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - NT.170522.002: Nước thải đầu ra – Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung
- Ngày nhận mẫu: 17/05/2022 Thời gian thử nghiệm: 17/05 - 24/05/2022
- Kết quả thử nghiệm:

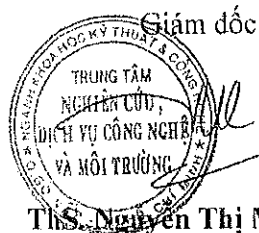
STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 01-MT: 2015/BTNMT, CỘT A (kq=0,9; kf=1)
1.	pH ^(a,b)		TCVN 6492:2011	7,08	6 – 9
2.	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	22,8	45
3.	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	16,5	27
4.	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	52,9	67,5
5.	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,6	36
6.	Amoni (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-NH ₃ -B&F:2017	2,03	9

Ghi chú: (-): Không quy định;

QCVN 01-MT: 2015/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí

Giám đốc

 TS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Thư này được trình bày một phần phục vụ kết quả thử nghiệm này nên không có sự đồng ý của Phòng thí nghiệm về Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phần này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Tiền giao lưu (nếu có) ngay từ ngày trả kết quả. (nếu Chi trả được NH) xin công nhận, (nếu Chi trả được) Xin công nhận.
- Tên mẫu, tên khách hàng, ghi theo yêu cầu của khách hàng. (nếu Chi trả được NH) xin công nhận, (nếu Chi trả được) Xin công nhận.

 Ngày: 24/05/2022 Trang: 1/1	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Dt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 262/2022	

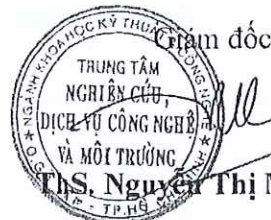
- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**
- Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Tên mẫu: Nước mặt Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - NM.170522.002: Tại trạm bản Hồ Suối Lam
- Ngày nhận mẫu: 17/05/2022 Thời gian thử nghiệm: 17/05 - 24/05/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
					Cột A2	Cột B1
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,64	6 - 8,5	5,5 - 9,0
2	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	12,5	15	30
3	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	3,8	6	15
4	DO ^(a,b)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,4	≥5	≥4
5	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	12,4	30	50
6	Amoni (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-NH ₃ -B&F:2017	0,12	0,3	0,9
7	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	3,43	-	-
8	Tổng Phospho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,16	-	-
9	Nitrit (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,09	0,05	0,05
10	Nitrat (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 352.1	2,45	5	10
11	E.coli ^(b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	KPH (MDL=1)	50	100
12	Coliform ^(b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	2.540	5.000	7.500

Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
 QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Công Trí



Th.S. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm TCĐV Công nghệ và Môi trường
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiên này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Thời gian bảo mẫu tối đa kể từ ngày lấy mẫu kết quả
- Trên cùng, các thông tin khác chỉ được sử dụng cho mục đích khác

 Ngày: 24/05/2022 Trang: 1/1	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM Dt: 028.39162814 Fax: 028.39162514	  
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 262/2022	

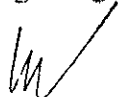
- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**
- Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Tên mẫu: Nước mặt Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - NM.170522.003: Tại vị trí xả thải vào suối Cầu Cháy
- Ngày nhận mẫu: 17/05/2022 Thời gian thử nghiệm: 17/05 - 24/05/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
					Cột A2	Cột B1
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,91	6 - 8,5	5,5 - 9,0
2	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	14,3	15	30
3	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	7,2	6	15
4	DO ^(a,b)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,2	≥5	≥4
5	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	12,8	30	50
6	Amoni (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-NH ₃ -B&F:2017	0,26	0,3	0,9
7	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,5	-	-
8	Tổng Phospho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,16	-	-
9	Nitrit (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,032	0,05	0,05
10	Nitrat (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 352.1	2,76	5	10
11	E.coli ^(b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	KPH (MDL=1)	50	100
12	Coliform ^(b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	5.300	5.000	7.500

Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí


 Giám đốc
 Ths. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Kiểm tra và ghi rõ nội dung phiên kết quả thử nghiệm tại văn phòng của đơn vị yêu cầu.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu từ ngày lấy mẫu đến kết quả: (a) Chỉ tính theo VN, AS, tiêu chuẩn, chỉ tính theo VN, AS, tiêu chuẩn.
- Tên mẫu: (b) Khách hàng chỉ theo yêu cầu của khách hàng.

 Ngày: 24/05/2022 Trang: 1/1	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: 20 Đường số 4, Phường 15, Quận Gò Vấp, TP.HCM ĐT: 028.39162814 Fax: 028.39162514	   VIETNAM ACCREDITED
	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Mã số: 262/2022	

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**
- Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Tên mẫu: Nước mặt Số lượng: 01 mẫu
- Ký hiệu mẫu:
 - NM.170522.004: Cách vị trí xa 100m về hạ nguồn
- Ngày nhận mẫu: 17/05/2022 Thời gian thử nghiệm: 17/05 - 24/05/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
					Cột A2	Cột B1
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,03	6 - 8,5	5,5 - 9,0
2	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	17,4	15	30
3	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1,2:2008	7,0	6	15
4	DO ^(a,b)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,9	≥5	≥4
5	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	12,8	30	50
6	Amoni (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-NH ₃ -B&F:2017	0,38	0,3	0,9
7	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,2	-	-
8	Tổng Phospho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,02	-	-
9	Nitrit (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,021	0,05	0,05
10	Nitrat (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 352.1	3,29	5	10
11	E.coli ^(b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	KPH (MDL=1)	50	100
12	Coliform ^(b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	5.300	5.000	7.500

Ghi chú: (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

P. Phòng thí nghiệm



Nguyễn Công Trí



ThS. Nguyễn Thị Mai Thảo

- Kết quả được trích ra từ phần mềm kết quả thử nghiệm này nên không có sự đồng ý của Trung tâm TP. DV Công nghệ và Môi trường.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thời gian thử nghiệm từ ngày lấy mẫu đến ngày trả kết quả. (tự: Chỉ nên được VIMCERTS công nhận khi được VIMCERTS công nhận.)
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng. (tự: Chỉ nên được VIMCERTS công nhận khi được VIMCERTS công nhận.)

MSP/Số: HA.22.04048.01 - 03

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**

Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.

2. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
HA.22.04048.01	Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải
HA.22.04048.02	Tại lò dầu 1
HA.22.04048.03	Tại lò dầu 2

3. Ngày lấy mẫu: 10/08/2022

Ngày trả kết quả: 17/08/2022

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện / Phạm vi đo
1	Lưu lượng ^(*)	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2	1.600.000 m ³ /h
2	Nhiệt độ ^(*)	°C	HD/KT - Nhiệt độ	HD/KT - Nhiệt độ	0 - 800°C
3	CO ^(*)	mg/Nm ³	HD/KT - CO	HD/KT - CO	0 - 11.400 mg/Nm ³
4	Bụi (PM) ^(*)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5	0,2 mg/Nm ³
5	SO ₂ ^(*)	mg/Nm ³	HD/KT - SO ₂	HD/KT - SO ₂	0 - 13.100 mg/Nm ³
6	NO _x (tính theo NO ₂) ^(*)	mg/Nm ³	HD/KT - NO _x	HD/KT - NO _x	0 - 940 mg/Nm ³

5. Kết quả thử nghiệm:

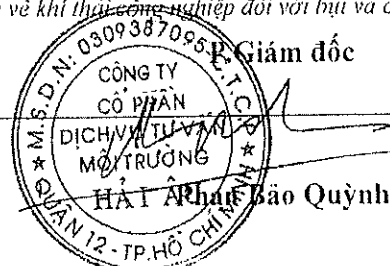
Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B; Kp=1; Kv=1,2
			HA.22. 04048.01	HA.22. 04048.02	HA.22. 04048.03	
1.	Lưu lượng ^(*)	m ³ /h	6.997	4.459	3.216	--
2.	Nhiệt độ ^(*)	°C	81,6	70,5	59,7	--
3.	CO ^(*)	mg/Nm ³	752	128	104	1200
4.	Bụi (PM) ^(*)	mg/Nm ³	72,5	59,7	62,4	240
5.	SO ₂ ^(*)	mg/Nm ³	32	32	30	600
6.	NO _x (tính theo NO ₂) ^(*)	mg/Nm ³	102	50	55	1020

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vincerts

QCVN 19:2009/BTNM - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - Cột B

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thùy Diễm



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiên kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

MSP/Số: HA.22.04048.07

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ**

Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.

2. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
HA.22.04048.07	Nước thải đầu ra – Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung	Theo TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018

3. Ngày lấy mẫu: 10/08/2022

Ngày trả kết quả: 17/08/2022

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
4	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	1 mg/L
6	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-MT:2015/BTNMT, CỘT A (kq=0,9; kf=1)
			HA.22.04048.07	
1.	pH ^(*) (a)	--	7,19	6 - 9
2.	TSS ^(*) (a)	mg/L	15	45
3.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	24	27
4.	COD ^(*) (a)	mg/L	37	67,5
5.	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	< 3	9
6.	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	10,8	36

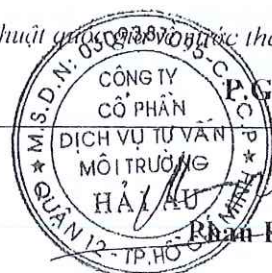
Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vincerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

QCVN 01-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thùy Diễm



P. Giám đốc

Phạm Bảo Quỳnh

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử – tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

MSP/Số: HA.22.04048.04 – 06

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

 1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHÈ BIÊN CẠM**
SU THUẬN PHÚ

Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.

2. Loại mẫu: Nước mặt

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
HA.22.04048.04	Tại trạm bản Hồ Suối Lam	Theo TCVN 5994 – 1995, TCVN 6663 – 3:2016.
HA.22.04048.05	Tại vị trí xả thải vào suối Cầu Cháy	TCVN 6663 – 1:2011, TCVN 6663 – 6:2018.
HA.22.04048.06	Cách vị trí xả 100m về hạ nguồn	TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011

3. Ngày lấy mẫu: 10/08/2022

Ngày trả kết quả: 17/08/2022

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	DO ^(*)	mg/L	TCVN 7325:2016	0 – 16 mg/L
3	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
4	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,5 mg/L
5	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	1,0 mg/L
6	Amoni (N_NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,015 mg/L
7	Nitrit (N_NO ₂ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,007 mg/L
8	Nitrat (N_NO ₃ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,015 mg/L
9	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
10	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,03 mg/L
11	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL
12	E.Coli ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử - tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			QCVN 08-MT: 2015/BTNMT	
			HA.22. 04048.04	HA.22. 04048.05	HA.22. 04048.06	Cột A2	Cột B1
1.	pH ^(*) (a)	--	6,73	6,97	7,16	8,5	5,5 – 9,0
2.	DO ^(*)	mg/L	5,9	6,1	6,4	25	≥4
3.	TSS ^(*) (a)	mg/L	< 15	< 15	16	30	50
4.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	< 4,5	7	8	6	15
5.	COD ^(*) (a)	mg/L	10	17	18	15	30
6.	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	0,22	0,39	0,31	0,3	0,9
7.	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,05	0,05
8.	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	2,05	2,57	3,41	5	10
9.	Tổng Nitơ ^(*) (a)	mg/L	< 9	< 9	< 9	--	--
10.	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	1,21	1,64	1,81	--	--
11.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	2.000	2.700	4.000	5.000	7.500
12.	E.Coli ^(*)	MPN/100mL	KPH	KPH	KPH	50	100

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimeerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 08:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thùy Diễm



P. Giám đốc

Phan Bảo Quỳnh

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



VIMCERT 266

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM
Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
MST: 0314630901
Điện thoại: (028) 37401038
Email: minasacom@gmail.com

Số: 22.11E1267-5

Tp.HCM, ngày 21 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
- Địa chỉ : Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Thời gian lấy mẫu : 10/11/2022
- Loại mẫu : Không khí Số lượng: 03 mẫu
- Vị trí lấy mẫu : KK1: Khu vực mỏ tỉnh
: KK2: Khu vực mỏ tập
: KK3: Khu vực đóng gói sản phẩm

7. Phương pháp phân tích

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Phương pháp lấy mẫu và bảo quản	Giới hạn phát hiện
1	Độ ồn ^(a)	TCVN 7878 – 2:2010	-	30 ÷ 130 dBA
2	Tổng bụi TSP ^(a)	TCVN 5067 :1995	TCVN 5067 :1995	3 µg/m ³
3	NO ₂ ^(a)	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	14 µg/m ³
4	SO ₂ ^(a)	TCVN 5971 :1995	TCVN 5971 :1995	15 µg/m ³
5	CO ^(a)	PPNB 56/MINACO	MINACO-SOP-CO	2.000 µg/m ³
6	NH ₃ ^(a)	MASA 401	MASA 401	15 µg/m ³
7	H ₂ S ^(a)	MASA 701	MASA 701	2 µg/m ³
8	Hydrocacbons(*)	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³

8. Kết quả phân tích

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn cho phép	Tiêu chuẩn tham chiếu
1	KK1: Khu vực mỏ tỉnh				
1	Độ ồn ^(a)	dBA	69,2	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Tổng bụi TSP ^(a)	mg/m ³	0,18	8	QCVN 02:2019/BYT
3	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	0,23	10	QCVN 03:2019/BYT



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

VIMCERT 266

4	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	0,12	10	
5	CO ^(a)	mg/m ³	3,55	40	
6	NH ₃ ^(a)	mg/m ³	2,94	25	
7	H ₂ S ^(a)	mg/m ³	1,23	15	
8	Hydrocacbons(*)	mg/m ³	KPH	-	-
II	KK2: Khu vực mỏ tập				
1	Độ ồn ⁽ⁿ⁾	dBA	72,1	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Tổng bụi TSP ^(a)	mg/m ³	0,12	8	QCVN 02:2019/BYT
3	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	0,27	10	QCVN 03:2019/BYT
4	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	0,13	10	
5	CO ^(a)	mg/m ³	4,15	40	
6	NH ₃ ^(a)	mg/m ³	3,74	25	
7	H ₂ S ^(a)	mg/m ³	1,31	15	
8	Hydrocacbons(*)	mg/m ³	KPH	-	-
III	KK3: Khu vực đóng gói sản phẩm				
1	Độ ồn ^(a)	dBA	70,2	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Tổng bụi TSP ^(a)	mg/m ³	0,10	8	QCVN 02:2019/BYT
3	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	0,15	10	QCVN 03:2019/BYT
4	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	0,13	10	
5	CO ^(a)	mg/m ³	3,85	40	
6	NH ₃ ^(a)	mg/m ³	2,13	25	
7	H ₂ S ^(a)	mg/m ³	0,98	15	
8	Hydrocacbons(*)	mg/m ³	KPH	-	-



VIMCERT 266

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 266

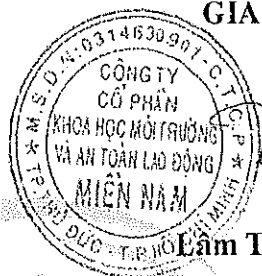
(*): Các chỉ tiêu gửi thầu phụ VIMCERTS 026

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

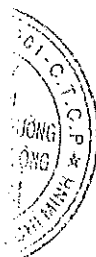
BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Huy Đức Hiếu

GIÁM ĐỐC



Êm Thúy Hoan





VIMCERT 266

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

Số: 22.11E1267-6

Tp.HCM, ngày 21 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng

: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ

2. Địa điểm lấy mẫu

: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ

3. Địa chỉ

: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

4. Thời gian lấy mẫu

: 10/11/2022

5. Loại mẫu

: Khí thải

Số lượng: 01 mẫu

6. Vị trí lấy mẫu

: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải (KT3)

7. Phương pháp phân tích

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Phương pháp lấy mẫu và bảo quản	Giới hạn phát hiện
1	Lưu lượng ^(a)	US EPA Method 2	-	0 ÷ 2.544.000 m ³ /h
2	Nhiệt độ ^(a)	PPNB09	-	0 ÷ 1370°C
3	Bụi (PM) ^(a)	US EPA Method 5	USEPA Method 5	0,5 mg/Nm ³
4	CO ^(a)	PPNB02	-	0 ÷ 11.400 mg/Nm ³
5	NO _x ^(a)	PPNB05	-	-
6	SO ₂ ^(a)	PPNB06	-	0 ÷ 13.100 mg/Nm ³

8. Kết quả phân tích

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B Kp=1; Kv=1,2
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	6.812	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	80,2	-
3	Bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	65,4	240
4	CO ^(a)	mg/Nm ³	638	1200
5	NO _x ^(a)	mg/Nm ³	65,0	1020
6	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	53,7	600



VIMCERT 266

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 266

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Huy Đức Hiền



GIÁM ĐỐC

Lâm Thúy Hoan





CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

VIMCERT 266

Số: 22.11E1267-1

Tp.HCM, ngày 21 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
- Địa chỉ : Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Thời gian lấy mẫu : 10/11/2022
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng: 01 mẫu
- Vị trí lấy mẫu : Nước thải đầu ra – Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung
- Phương pháp phân tích

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Giới hạn phát hiện
1	pH ^(a)	TCVN 6492:2011	-	2 ÷ 12
2	Nhu cầu Oxy sinh học (BOD ₅) ^(a)	SMEWW 5210 B:2017	TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-14:2018	2,0 mg/L
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) ^(a)	SMEWW 5220 C:2017		10 mg/L
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	SMEWW 2540 D:2017		5 mg/L
5	Tổng N ^(a)	TCVN 6638 : 2000		2,0 mg/L
6	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	US EPA method 350.02		0,14 mg/L

8. Kết quả phân tích

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-MT:2015/BTNMT, CỘT A (kq=0,9;kf=1)
1	pH ^(a)	-	7,23	6 - 9
2	Nhu cầu Oxy sinh học (BOD ₅) ^(a)	mg/L	24,3	27
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) ^(a)	mg/L	47,1	67,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	34,5	45
5	Tổng N ^(a)	mg/L	15,7	36
6	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	mg/L	7,52	9



VIMCERT 266

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 266

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

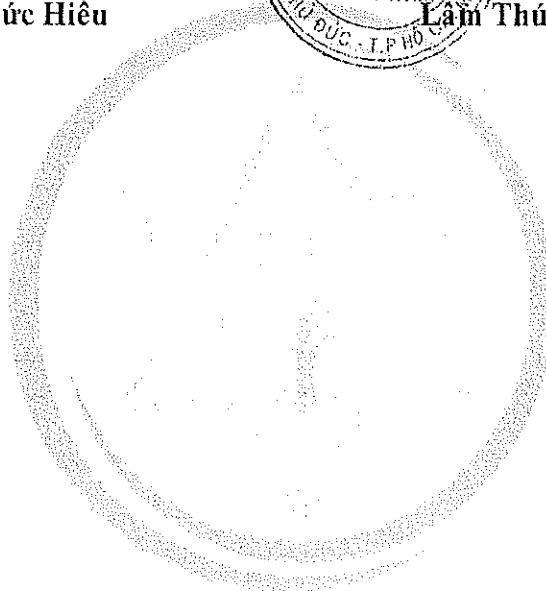
BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Đức Hiếu



Lâm Thúy Hoan





VIMCERT 266

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

Số: 22.11E1267-2

Tp.HCM, ngày 21 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
- Địa chỉ : Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Thời gian lấy mẫu : 10/11/2022
- Loại mẫu : Nước mặt Số lượng : 03 mẫu
- Vị trí lấy mẫu : NM1: Tại trạm bơm Hồ Suối Lam
: NM2: Tại vị trí xả thải vào suối Cầu Cháy
: NM3: Cách vị trí xả 100m về hạ nguồn
- Phương pháp phân tích

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Giới hạn phát hiện
1	pH ^(a)	TCVN 6492:2011	-	2 ÷ 12
2	Hàm lượng oxy hóa tan (DO) ^(a)	TCVN 7325:2004	-	0 ÷ 16 mg/L
3	Nhu cầu Oxy sinh học (BOD ₅) ^(a)	SMEWW 5210 B:2017	TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-14:2018	0,95 mg/L
4	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) ^(a)	SMEWW 5220 C:2017		3,0 mg/L
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	SMEWW 2540 D:2017		3,3 mg/L
6	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	USEPA method 350.02		0,2 mg/L
7	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N) ^(a)	TCVN 6178 : 1996		0,002 mg/L
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ N) ^(a)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017		0,05 mg/L
9	Tổng N ^(a)	TCVN 6638 : 2000		0,87 mg/L
10	Tổng P ^(a)	SMEWW 5530C:2017		0,03 mg/L
11	E.Coli ^(a)	TCVN 6187-2:1996	TCVN 8880:2011	2 MPN/100ml
12	Coliform ^(a)	TCVN 6187-2:1996		2 MPN/100ml



VIMCERT 266

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

8. Kết quả phân tích

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
			NM1	NM2	NM3	Cột A2	Cột B1
1	pH ^(a)	-	6,79	7,01	7,21	6 – 8,5	5,5 – 9,0
2	Hàm lượng oxy hóa tan (DO) ^(a)	mg/L	5,6	6,19	6,6	≥5	≥4
3	Nhu cầu Oxy sinh học (BOD ₅) ^(a)	mg/L	3,10	7,30	6,70	6	15
4	Nhu cầu Oxy hóa học (COD) ^(a)	mg/L	11,2	12,8	14,4	15	30
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	11,6	12,0	13,2	30	50
6	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	mg/L	0,23	KPH	0,29	0,3	0,9
7	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N) ^(a)	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,05	0,05
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N) ^(a)	mg/L	2,21	2,57	2,33	5	10
9	Tổng N ^(a)	mg/L	2,94	2,87	2,80	-	-
10	Tổng P ^(a)	mg/L	1,21	1,82	1,71	-	-
11	E.Coli ^(a)	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	50	100
12	Coliform ^(a)	MPN/100ml	2.300	4.800	4.900	5.000	7.500

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 266

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

(Signature)

Nguyễn Huy Đức Hiếu

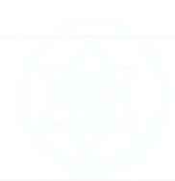


GIÁM ĐỐC

(Signature)

Lâm Thúy Hoan

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF THE HISTORY OF ARTS
AND ARCHITECTURE
1100 EAST 58TH STREET
CHICAGO, ILLINOIS 60637



TO THE HONORABLE CHAIRMAN OF THE BOARD OF TRUSTEES
OF THE UNIVERSITY OF CHICAGO
FROM THE DEPARTMENT OF THE HISTORY OF ARTS
AND ARCHITECTURE
SUBJECT: [Illegible]

[Illegible text block]

[Illegible text block]

[Illegible text block]

[Illegible text block]



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

VIMCERT 266

Số: 23.02E17-6

Tp.HCM, ngày 15 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng** : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
- Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
- Địa chỉ** : Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
- Thời gian lấy mẫu** : 08/02/2023
- Loại mẫu** : Khí thải Số lượng : 01 mẫu
- Vị trí lấy mẫu** : KT1: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải
- Phương pháp phân tích**

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Phương pháp lấy mẫu và bảo quản	Giới hạn phát hiện
1	Nhiệt độ ^(a)	PPNB09	-	0 ÷ 1.370°C
2	Lưu lượng ^(a)	US EPA Method 2	-	0 ÷ 2.544.000 mg/Nm ³
3	Bụi ^(a)	US EPA Method 5	US EPA Method 5	0,5 mg/Nm ³
4	CO ^(a)	PPNB02	-	0 ÷ 11.400 mg/Nm ³
5	NO _x ^(a)	PPNB05	-	-
6	SO ₂ ^(a)	PPNB06	-	0 ÷ 13.100 mg/Nm ³

8. Kết quả phân tích

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kp=1; Kv=1,2)
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	80,3	-
2	Lưu lượng ^(a)	m ³ /s	7.123	-
3	Bụi ^(a)	mg/Nm ³	67,1	240
4	CO ^(a)	mg/Nm ³	627	1.200
5	NO _x ^(a)	mg/Nm ³	94,1	1.020
6	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	27,2	600



VIMCERT 266

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

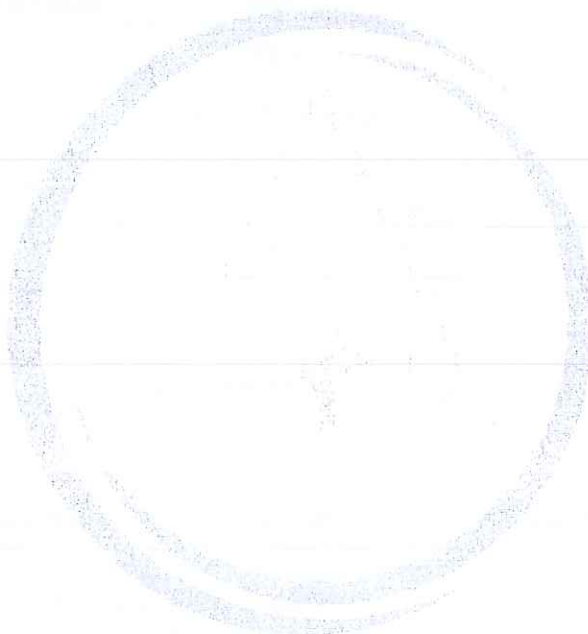
Mu,

Nguyễn Huy Đức Hiếu



GIÁM ĐỐC

Lâm Thúy Hoan





CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

VIMCERT 266

Số: 23.02E17-1

Tp.HCM, ngày 15 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
- Địa chỉ : Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
- Thời gian lấy mẫu : 08/02/2023
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng: 01 mẫu
- Vị trí lấy mẫu : Nước thải đầu ra – Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung
- Phương pháp phân tích

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Giới hạn phát hiện
1	pH ^(a)	TCVN 6492:2011	-	2 ÷ 12
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	SMEWW 2540 D:2017	TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-14:2018	5 mg/L
3	Nhu cầu Oxy hóa hóa học (COD) ^(a)	SMEWW 5220 C:2017		10 mg/L
4	Nhu cầu Oxy hóa sinh học (BOD ₅) ^(a)	SMEWW 5210 B:2017		2,0 mg/L
5	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	USEPA method 350.02		0,14 mg/L
6	Tổng N ^(a)	TCVN 6638 : 2000		2,0 mg/L

8. Kết quả phân tích

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, CỘT A
1	pH ^(a)	-	7,10	6 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	15,2	45
3	Nhu cầu Oxy hóa hóa học (COD) ^(a)	mg/L	30,4	67,5
4	Nhu cầu Oxy hóa sinh học (BOD ₅) ^(a)	mg/L	13,0	27
5	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	mg/L	2,67	9



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

VIMCERT 266

6	Tổng N ^(a)	mg/L	12,3	36
---	-----------------------	------	------	----

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 266

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

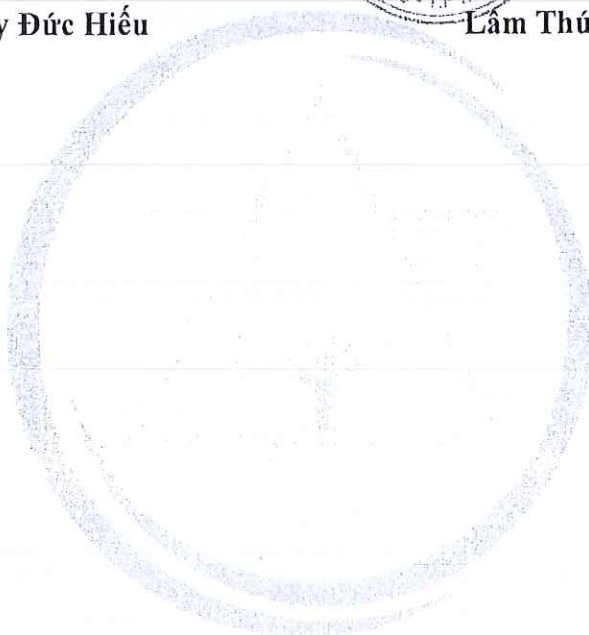
BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Huy Đức Hiếu



GIÁM ĐỐC

Lâm Thúy Hoan





CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM
Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
MST: 0314630901
Điện thoại: (028) 37401038
Email: minasacom@gmail.com

VIMCERT 266

Số: 23.02E17-2

Tp.HCM, ngày 15 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
- Địa chỉ : Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
- Thời gian lấy mẫu : 08/02/2023
- Loại mẫu : Nước mặt Số lượng : 03 mẫu
- Vị trí lấy mẫu : NM1: Tại trạm bán Hồ Suối Lam
: NM2: Tại vị trí xả thải vào suối Cầu Cháy
: NM3: Cách vị trí xả 100m về hạ nguồn

7. Phương pháp phân tích:

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Giới hạn phát hiện
1	pH ^(a)	TCVN 6492:2011	-	2 ÷ 12
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ^(a)	TCVN 7325:2004	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-6:2018 TCVN 5994:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-14:2018	0÷16 mg/L
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	SMEWW 2540 D:2017		3,3 mg/L
4	Nhu cầu Oxy hóa hóa học (COD) ^(a)	SMEWW 5220 C:2017		3,0 mg/L
5	Nhu cầu Oxy hóa sinh học (BOD ₅) ^(a)	SMEWW 5210 B:2017		0,95 mg/L
6	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	USEPA method 350.02		0,2 mg/L
7	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N) ^(a)	TCVN 6178 : 1996		0,002 mg/L
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) ^(a)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ -E-2017		0,05 mg/L
9	Tổng N ^(a)	TCVN 6638 : 2000		0,87 mg/L
10	Tổng P ^(a)	SMEWW 4500P.B&E:2017		0,03 mg/L
11	Coliform ^(a)	TCVN 6187-2:1996	TCVN 8880:2011	2 MPN/100mL
12	E.Coli ^(a)	TCVN 6187-2:1996		2 MPN/100mL

8. Kết quả phân tích

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN08 MT:2015/BTNMT	
			NM1	NM2	NM3	Cột A2	Cột B1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ ATLĐ MIỀN NAM**

Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

MST: 0314630901

Điện thoại: (028) 37401038

Email: minasacom@gmail.com

VIMCERT 266

1	pH ^(a)	-	6,89	7,06	7,24	6 – 8,5	5,5 – 9,0
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ^(a)	mg/L	6,3	6,7	6,8	≥5	≥4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	13,8	12,8	24,0	30	50
4	Nhu cầu Oxy hóa hóa học (COD) ^(a)	mg/L	13,6	22,4	24,0	15	30
5	Nhu cầu Oxy hóa sinh học (BOD ₅) ^(a)	mg/L	4,75	9,40	10,0	6	15
6	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	mg/L	KPH	0,47	0,38	0,3	0,9
7	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N) ^(a)	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,05	0,05
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) ^(a)	mg/L	2,71	3,35	3,74	5	10
9	Tổng N ^(a)	mg/L	3,40	4,69	4,83	-	-
10	Tổng P ^(a)	mg/L	1,14	1,47	1,72	-	-
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.100	2.400	3.500	5.000	7.500
12	E.Coli ^(a)	MPN/100mL	KPH	KPH	KPH	50	100

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 266

KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH**GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Huy Đức Hiếu

Lâm Thúy Hoan





Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 236905 - 236907

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ

Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

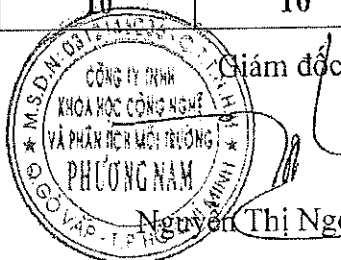
2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 28/06/20234. Ngày trả kết quả : 06/07/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³	THC mg/m ³
K1: Khu vực mỏ tinh		68,1	0,26	0,17	0,51
K2: Khu vực mỏ tập		69,2	0,29	0,20	0,48
K3: Khu vực đóng gói sản phẩm		65,8	0,22	0,15	0,36
LOD		-	0,008	0,003	0,03
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	TCVN 5293:1995	MASA Method 701	Niosh Method 1500
Tham khảo QCVN 24:2016/BYT		≤ 85	-	-	-
Tham khảo QCVN 03:2019/BYT		-	25	15	-

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³
K1: Khu vực mỏ tinh		0,385	0,172	0,128	< 8,3
K2: Khu vực mỏ tập		0,379	0,170	0,123	< 8,3
K3: Khu vực đóng gói sản phẩm		0,326	0,164	0,120	< 8,3
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT		8	-	-	-
Tham khảo QCVN 03:2019/BYT		-	10	10	40

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi bông và bụi than
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu 236908

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ

Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 28/06/2023

4. Ngày trả kết quả : 06/07/2023

Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Nhiệt độ °C	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo						
E1: Bên trong ống khói lò hơi tầng sôi	7.013	128,6	57	12	187	305
Phương pháp đo, xác định	-	HD 92 - ĐO	USEPA Method 5	HD NB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=1 và Kv=1,2	-	-	240	600	1.020	1.200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

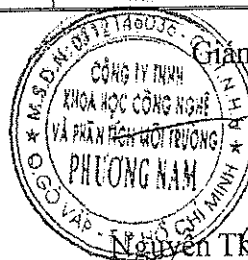
Mã số phiếu: 236919

1. Đơn vị gửi mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Nước thải
3. Thông tin mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý tại nhà máy
4. Ngày nhận mẫu : 28/06/2023
5. Ngày trả kết quả : 06/07/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-MT:2015/BTNMT, Cột A, $K_d=0,9$, $K_f=1$	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,83	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/l	12	45	TCVN 6625:2000
3	COD	mg/l	51	67,5	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24	27	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng Nito	mg/l	11,6	36	TCVN 6638:2000
6	Amoni (N- NH ₄ ⁺)	mg/l	KPH LOD=0,25	9	TCVN 5988:1995

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

BM03-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

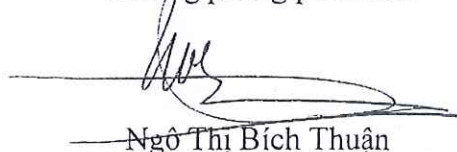
PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 236920 - 236922

1. Đơn vị gửi mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Nước mặt
3. Thông tin mẫu : NM1 - Nước mặt tại trạm bơm hồ Suối Lam
NM2 - Nước mặt cách vị trí xả thải vào suối Cầu Cháy
NM3 - Nước mặt cách 100m hồ suối Cháy về hạ nguồn
4. Ngày nhận mẫu : 28/06/2023
5. Ngày trả kết quả : 06/07/2023

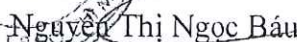
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT		Phương pháp phân tích
			NM1	NM2	NM3	Cột A2	Cột B1	
1	pH	-	7,35	7,32	7,28	6 - 8,5	5,5-9,0	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/l	7	12	10	30	50	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/l	5,97	6,16	6,24	≥5	≥4	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/l	12	14	11	15	30	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	5	7	5	6	15	TCVN 6001-1:2008
6	Tổng Nitơ	mg/l	< 3,3	< 3,3	< 3,3	-	-	TCVN 6638:2000
7	Amoni (N- NH ₄ ⁺)	mg/l	0,47	0,54	0,35	0,3	0,9	TCVN 5988:1995
8	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	mg/l	0,18	0,26	0,12	5	10	SMEWW 4500-NO3-.E:2017
9	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)	mg/l	KPH LOD=0,005	KPH LOD=0,005	KPH LOD=0,005	0,05	0,05	SMEWW 4500-NO2-.B:2017
10	Tổng Photpho	mg/l	0,15	0,24	0,11	-	-	SMEWW 4500-P.B&E:2017
11	Coliform	MPN/100ml	1,4x10 ³	1,5x10 ³	1,1x10 ³	5.000	7.500	TCVN 6187-2:1996
12	E. Coli	MPN/100ml	15	21	9	50	100	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích


 Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc


 Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.11681

- Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
- Phân loại mẫu** : Môi trường khí thải
- Ngày lấy mẫu** : 25/09/2023
- Ngày trả kết quả** : 02/10/2023

Chỉ tiêu	Nhiệt độ °C	Lưu lượng m ³ /s	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo						
E1: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải	88,4	7.261	63	25	103	610
Phương pháp đo, xác định	HD 92 - ĐO		USEPA Method 5	HD NB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=1 và Kv=1,2	-	-	240	600	1.020	1.200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

1/1

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

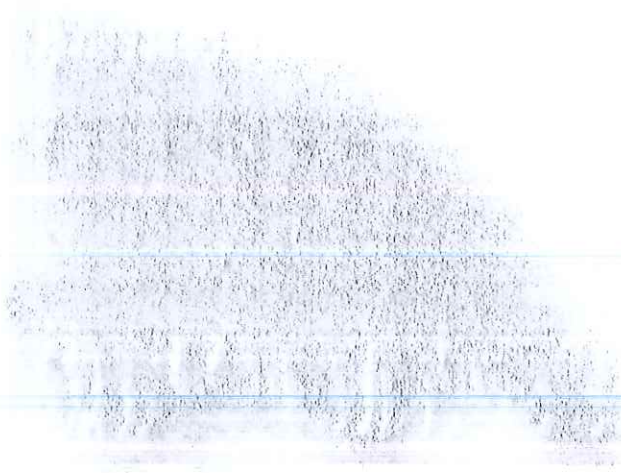
THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERT'S 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

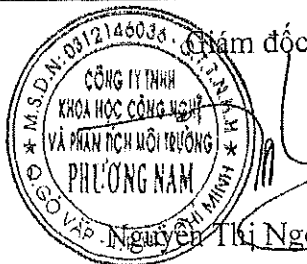
Mã số phiếu: 23.11684

1. Đơn vị gửi mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Nước thải
3. Thông tin mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý tại nhà máy
4. Ngày nhận mẫu : 25/09/2023
5. Ngày trả kết quả : 02/10/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-MT:2015/BTNMT, Cột A, K _a =0,9, K _f =1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,32	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/l	10	45	TCVN 6625:2000
3	COD	mg/l	25	67,5	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	11	27	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng Nito	mg/l	10,9	36	TCVN 6638:2000
6	Amoni (N- NH ₄ ⁺)	mg/l	1,1	9	TCVN 5988:1995

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

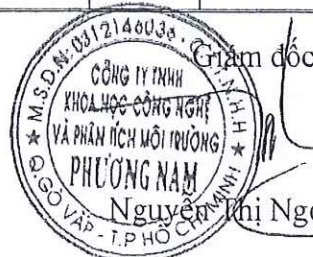
Mã số phiếu: 23.11685 - 23.11686

1. Đơn vị gửi mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Nước mặt
3. Thông tin mẫu : NM1 - Nước mặt tại trạm bơm hồ Suối Lam
NM2 - Nước mặt tại vị trí xả thải vào suối Cầu Cháy
4. Ngày nhận mẫu : 25/09/2023
5. Ngày trả kết quả : 02/10/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		LOD	QCVN 08-MT:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
			NM1	NM2		Mức A	
1	pH	-	7,25	7,32	-	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/l	9	7	-	≤ 25	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/l	6,51	6,38	-	≥ 6	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/l	8	7	-	≤ 10	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	3	2	-	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
6	Tổng Nitơ	mg/l	KPH	KPH	1,0	≤ 0,6	TCVN 6638:2000
7	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/l	KPH	KPH	0,01	0,3*	SMEWW 4500 NH3.B&F:2017
8	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	mg/l	0,18	0,26	-	-	TCVN 6180:1996
9	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)	mg/l	KPH	KPH	0,005	0,05*	SMEWW 4500-NO2-B:2017
10	Tổng Photpho	mg/l	KPH	KPH	0,02	≤ 0,1	SMEWW 4500-P.B&E:2017
11	Coliform	MPN/100ml	6,4 x 10 ²	4,6 x 10 ²	-	≤ 1.000	TCVN 6187-2:1996
12	E. Coli	MPN/100ml	9	7	-	20*	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

(Signature)
 Ngô Thị Bích Thuận



(Signature)
 Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

* So sánh theo bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người của QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.11687

1. Đơn vị gửi mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Nước mặt
3. Thông tin mẫu : NM3 - Nước mặt cách vị trí xả 100m về hạ nguồn
4. Ngày nhận mẫu : 25/09/2023
5. Ngày trả kết quả : 02/10/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 08-MT:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
			NM3		Mức A	
1	pH	-	7,20	-	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/l	10	-	≤ 25	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/l	6,75	-	≥ 6	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/l	7	-	≤ 10	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	2,26	-	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
6	Tổng Nitơ	mg/l	KPH	1,0	≤ 0,6	TCVN 6638:2000
7	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/l	KPH	0,01	0,3*	SMEWW 4500 NH3.B&F:2017
8	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	mg/l	0,12	-	-	TCVN 6180:1996
9	Nitrit (N-NO ₂ ⁻)	mg/l	KPH	0,005	0,05*	SMEWW 4500-NO2-B:2017
10	Tổng Photpho	mg/l	KPH	0,02	≤ 0,1	SMEWW 4500-P.B&E:2017
11	Coliform	MPN/100ml	7,0 x 10 ²	-	≤ 1.000	TCVN 6187-2:1996
12	E. Coli	MPN/100ml	11	-	20*	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



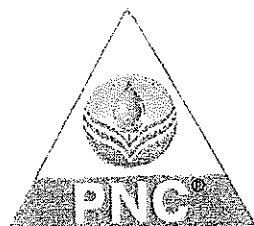
Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

* So sánh theo bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người của QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.15406 - 23.15408

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất
3. Ngày lấy mẫu : 05/12/2023
4. Ngày trả kết quả : 12/12/2023

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	NH ₃ mg/m ³	H ₂ S mg/m ³	
Điểm đo				
K1: Khu vực mỏ tinh	66,3	0,21	0,25	
K2: Khu vực mỏ tập	67,5	0,17	0,29	
K3: Khu vực đóng gói sản phẩm	66,7	0,29	0,21	
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5293:1995	MASA Method 701	
Tham khảo QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-	-	
Tham khảo QCVN 03:2019/BYT	-	25	15	

Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³
Điểm đo				
K1: Khu vực mỏ tinh	0,362	0,195	0,110	< 8,3
K2: Khu vực mỏ tập	0,355	0,183	0,115	< 8,3
K3: Khu vực đóng gói sản phẩm	0,348	0,175	0,129	< 8,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT	8	-	-	-
Tham khảo QCVN 03:2019/BYT	-	10	10	40

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

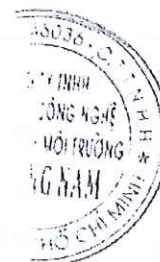
Chỉ tiêu	C _x H _y				
	n-Hexan mg/m ³	Cyclohexan mg/m ³	n-decane mg/m ³	n-heptan mg/m ³	n-octan mg/m ³
K1: Khu vực mũ tỉnh	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
K2: Khu vực mũ tập	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
K3: Khu vực đóng gói sản phẩm	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
LOD	0,034	0,068	0,033	0,060	0,066
Phương pháp đo, xác định	Niosh Method 1500				

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



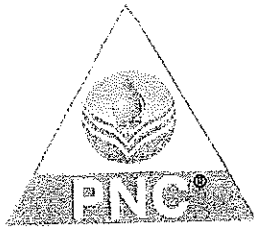
Nguyễn Thị Ngọc Báu



Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

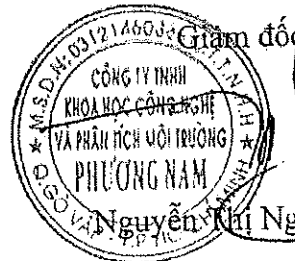
Mã số phiếu 23.15409

- Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 05/12/2023
- Ngày trả kết quả** : 12/12/2023

Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Nhiệt độ °C	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo						
E1: Bên trong ống khói lò hơi tầng sôi	7.109	92,4	63	21	165	281
Phương pháp đo, xác định	-	HD 92 - ĐO	US EPA Method 5	HD NB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=1 và Kv=1,2	-	-	240	600	1.020	1.200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.15412

1. Đơn vị gửi mẫu : NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ
Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Nước thải
3. Thông tin mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý tại nhà máy
4. Ngày nhận mẫu : 05/12/2023
5. Ngày trả kết quả : 12/12/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-MT:2015/BTNMT, Cột A, $K_d=0,9$, $K_t=1$	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,61	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/l	10	45	TCVN 6625:2000
3	COD	mg/l	45	67,5	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	21	27	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng Nito	mg/l	10,6	36	TCVN 6638:2000
6	Amoni (N- NH ₄ ⁺)	mg/l	3,7	9	TCVN 5988:1995

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



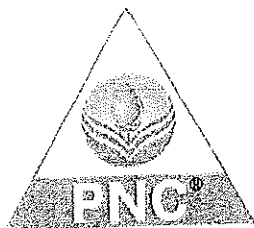
Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.15413 - 23.15415

1. Đơn vị gửi mẫu

: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU THUẬN PHÚ

Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

2. Phân loại mẫu

: Nước mặt

3. Thông tin mẫu

: NM1 - Nước mặt tại trạm bơm hồ Suối Lam

NM2 - Nước mặt cách vị trí xả thải vào suối Cầu Cháy

NM3 - Nước mặt cách 100m hồ suối Cháy về hạ nguồn

4. Ngày nhận mẫu

: 05/12/2023

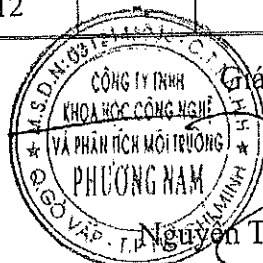
5. Ngày trả kết quả

: 12/12/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			LOD	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
			NM1	NM2	NM3		Bảng 2, Mức A	
1	pH	-	7,21	7,26	7,32	-	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/l	11	14	15	-	≤ 25	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/l	6,85	6,80	6,78	-	≥ 6	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/l	9	9	10	-	≤ 10	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	4	3	4	-	≤ 4	TCVN 6001-2:2008
6	Tổng Nitơ	mg/l	KPH	KPH	KPH	1,0	≤ 0,6	TCVN 6638:2000
7	N- NH ₄ ⁺	mg/l	0,19	0,22	0,25	-	0,3*	TCVN 5988:1995
8	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,48	0,53	0,51	-	-	SMEWW 4500-NO3-.E:2017
9	N-NO ₂ ⁻	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,005	0,05*	SMEWW 4500-NO2-.B:2017
10	Tổng Photpho	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,02	≤ 0,1	SMEWW 4500-P.B&E:2017
11	Coliform	MPN /100ml	4,6 x 10 ²	6,4 x 10 ²	6,4 x 10 ²	-	≤ 1.000	TCVN 6187-2:1996
12	E. Coli	MPN /100ml	11	9	12	-	20*	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- * So sánh theo bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người của QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Số: 24 /KLKTr-STNMT

Bình Phước, ngày 10 tháng 3 năm 2023

KẾT LUẬN KIỂM TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo
vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với các Dự án
chế biến mủ cao su trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Quyết định số 511/QĐ-STNMT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với các Dự án chế biến mủ cao su trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Sau đây gọi tắt là Đoàn kiểm tra);

Xét Báo cáo kết quả kiểm tra số 15/BC-ĐTTr ngày 09/02/2023 của Trưởng Đoàn kiểm tra, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Thực hiện Quyết định kiểm tra của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra đối với 27 Dự án (của 22 tổ chức) trên địa bàn 08 huyện, thị xã, gồm: 07 Dự án (của 05 tổ chức) trên địa bàn huyện Đồng Phú, 04 Dự án (của 03 tổ chức) trên địa bàn huyện Hớn Quản, 05 Dự án (của 04 tổ chức) trên địa bàn huyện Lộc Ninh, 02 Dự án (của 02 tổ chức) trên địa bàn của huyện Bù Đốp, 01 Dự án (của 01 tổ chức) trên địa bàn huyện Bù Gia Mập, 03 Dự án (của 02 tổ chức) trên địa bàn của huyện Phú Riềng, 01 Dự án (của 01 tổ chức) trên địa bàn huyện Bù Đăng, 04 Dự án (của 04 tổ chức) trên địa bàn thị xã Chơn Thành.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Trên địa bàn huyện Đồng Phú

1.1. Công ty TNHH Cổ phần cao su kỹ thuật Đồng Phú

1.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 23/4/2009; đã được xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành tại Giấy xác nhận số 07/GXN-STNMT ngày 14/10/2014; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...); đã thực hiện việc quản

lý chất thải nguy hại theo quy định; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 50m³/ngày, được thu gom, xử lý và thu hồi toàn bộ để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất không thải ra môi trường.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

1.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Dự án Nhà máy sản xuất nệm và gối cao su - Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đồng Phú được thực hiện trên thửa đất có diện tích 50.342,7m² được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ T01145 ngày 29/7/2008, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 1,5ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty nộp đầy đủ tiền sử dụng đất theo quy định.

1.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đồng Phú không có hoạt động khai thác nước mặt, nước dưới đất mà sử dụng nguồn nước từ nhà máy cấp nước của Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú để phục vụ hoạt động sản xuất.

1.2. Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú.

1.2.1 Đối với Xi nghiệp chế biến mủ cao su Thuận Phú

1.2.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2033/QĐ-UBND; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 06/GXN-STNMT ngày 04/10/2012 và Giấy xác nhận số 28/GXN-STNMT ngày 31/10/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng $700\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

1.2.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Dự án Xí nghiệp chế biến Thuận Phú được thực hiện trên thửa đất có diện tích $37.402,0\text{m}^2$ đã được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00639 ngày 16/6/2008, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 01ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất theo quy định.

1.2.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 14/GP-UBND ngày 13/3/2020, lưu lượng khai thác $736\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, thời hạn được cấp phép là 10 năm.

- Công ty đã lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và được phê duyệt tại Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 13/4/2021; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

1.2.2. Đối với Nhà máy chế biến mủ cao su Tân Lập

1.2.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 03/09/2009; đã được xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 04/GXN-STNMT ngày 21/02/2013 và Giấy xác nhận số 03/GXN-STNMT ngày 21/04/2015.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh*

gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 250m³/ngày.đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Công ty hoạt động sản xuất mủ ly tâm nên không phát sinh khí thải.

1.2.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Dự án Nhà máy chế biến Tân Lập được thực hiện trên thửa đất có diện tích 9.871,8m² đã được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00460 ngày 20/9/2007, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 0,75ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất theo quy định.

1.2.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty sử dụng nguồn nước từ nhà máy cấp nước của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước để phục vụ hoạt động sản xuất.

1.2.3. Đối với Nhà máy chế biến mủ cao su Tân Hưng

1.2.3.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 23/5/2016; đã được xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 28/GXN-STNMT ngày 06/10/2020 và Giấy xác nhận số 37/GXN-STNMT ngày 27/12/2021.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại; đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng $250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò xông được thu gom qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

1.2.3.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Dự án Nhà máy chế biến Tân Hưng được thực hiện trên thửa đất có diện tích $28.544,6\text{m}^2$ được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT07583 ngày 26/5/2016, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 0,3ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất theo quy định.

1.2.3.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 13/GP-UBND ngày 13/3/2020, lưu lượng khai thác $171\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, thời hạn được cấp phép là 10 năm.

- Công ty đã lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và được phê duyệt tại Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 13/4/2021; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

1.3. Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước

1.3.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 24/04/2013; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 19/GXN-STNMT ngày 16/8/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu*

động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 450m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

1.3.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước được thực hiện trên thửa đất có diện tích 160.152,2m² được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT10889 ngày 01/8/2018, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 06ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty chưa nộp tiền thuê đất từ năm 2018 đến nay.

1.3.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 28/GP-UBND ngày 12/9/2012, số lượng giếng được cấp phép 05 giếng, thời hạn được cấp phép là 05 năm. Hiện tại, thời hạn giấy phép khai thác nước dưới đất của Công ty đã hết hạn.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

1.4. Công ty TNHH cao su Quốc Việt

1.4.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 01/8/2019; Công ty đang tiến hành lập thủ tục để được cấp Giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra đề cấp Giấy phép môi trường cho dự án đầu tư

nâng công suất Nhà máy chế biến mủ cao su Quốc Việt, công suất từ 5.000 tấn/năm lên 9.800 tấn/năm vào ngày 10/8/2022).

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng $350\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

1.4.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH cao su Quốc Việt được thực hiện trên thửa đất có diện tích $24.962,0\text{m}^2$ được cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT05916 ngày 20/5/2015, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; thửa đất có diện tích $3.969,4\text{m}^2$ được cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT06400 ngày 21/3/2016, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần; thửa đất có diện tích $4.868,1\text{m}^2$ được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT06399 ngày 21/3/2016, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng hơn 03ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất.

1.4.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 64/GP-UBND ngày 02/8/2016, lưu lượng khai thác $330\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, thời hạn cấp phép là 10 năm.

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 22/GP-UBND ngày 17/4/2020, số lượng giếng được cấp là 04 giếng, thời hạn được cấp phép là đến hết ngày 17/4/2023; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Hiện tại, 01 giếng đã bị hư hỏng không sử dụng được.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

1.5. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Anh Quang

Do hiện tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Anh Quang đang ngưng hoạt động chế biến mủ cao su tại vị trí ấp 1, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú nên Đoàn kiểm tra không tiến hành kiểm tra các nội dung theo Quyết định số 511/QĐ-STNMT ngày 17/11/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trên địa bàn huyện Hớn Quản

2.1. Công TNHH MTV cao su Bình Long

2.1.1. Đối với Xí nghiệp Cơ khí chế biến 30/4

2.1.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1147/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 và Quyết định 2352/QĐ-UBND ngày 22/9/2017; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 01/GXN-STNMT ngày 12/01/2021 và Giấy xác nhận số 02/GXN-STNMT ngày 11/3/2015.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 450m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là khí gas nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh

thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

2.1.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Xí nghiệp cơ khí chế biến 30/4 được thực hiện trên thửa đất có diện tích 47.242,9m² được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00070 ngày 02/8/2005, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 1,3ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

2.1.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và nước mặt tại Giấy phép số 47/GP-UBND ngày 20/7/2021, số lượng giếng được cấp phép 03 giếng, thời hạn được cấp phép là 05 năm và Giấy phép số 54/GP-UBND ngày 05/10/2021, đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

2.1.2. Đối với Xí nghiệp Cơ khí chế biến Quân Lợi

2.1.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 và Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 16/12/2016; đã được xác nhận kết quả thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Công văn 2926/STNMT-CCBVMТ ngày 30/12/2016 và Giấy xác nhận số 24/GXN-STNMT ngày 28/8/2018.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 750m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân

tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là khí gas nên Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí.

2.1.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Xí nghiệp cơ khí chế biến Quân Lợi được thực hiện trên thửa đất có diện tích 97.173,8m² được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00066 ngày 02/8/2005, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 1,5ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

2.1.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 77/GP-UBND ngày 10/11/2022, số lượng giếng được cấp phép 01 giếng, thời hạn được cấp phép là 03 năm và Giấy phép số 82/GP-UBND ngày 14/11/2022, số lượng giếng được cấp phép 03 giếng, thời hạn được cấp phép là 03 năm. Đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

2.2. Công ty Cổ phần Việt Sing

2.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1288/QĐ-UBND ngày 27/5/2011; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 03/GXN-STNMT ngày 23/01/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 1.000m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau được thu hồi toàn bộ để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến

hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột B, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

2.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Dự án Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty Cổ phần Việt Sing được thực hiện trên thửa đất có diện tích 150.000,0m² được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT17562 ngày 16/8/2019, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 1,3ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

2.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 70/GP-UBND ngày 19/11/2013, thời hạn được cấp phép là đến hết ngày 31/10/2023. Đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

2.3. Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường

2.3.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 24/12/2013; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 11/GXN-STNMT ngày 28/5/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 200m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT. Riêng thông số Tổng Nitơ chưa đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT. Tuy nhiên, hiện tại lượng nước thải sau xử lý được thu gom một phần để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, phần còn lại đang được lưu giữ trong hệ thống xử lý nước thải (hồ chứa nước thải sau hệ thống xử lý) không thải ra môi trường.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

2.3.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường được thực hiện trên thửa đất có diện tích 49.521,3m² được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT002344 ngày 31/5/2012, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 3,6ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty nộp tiền thuê đất năm 2021. Hiện tại, Công ty đang nợ tồn tiền thuê đất là 36.000.000 đồng và tiền thuê đất của năm 2022.

2.3.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 03/GP-UBND ngày 10/01/2018, số lượng giếng được cấp phép 04 giếng, thời hạn được cấp phép là 05 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

3. Trên địa bàn huyện Lộc Ninh

3.1. Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh

3.1.1. Đối với Xí nghiệp Cơ khí chế biến Lộc Hiệp tại thị trấn Lộc Ninh

3.1.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 10/4/2017; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 01/GXN-STNMT ngày 07/01/2016.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với

đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do tại thời điểm kiểm tra Xí nghiệp Cơ khí chế biến Lộc Hiệp tại thị trấn Lộc Ninh đã ngưng hoạt động từ đầu tháng 11 năm 2022 nên tại Xí nghiệp không có hoạt động xả thải. Do đó, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu môi trường (mẫu nước thải, khí thải).

3.1.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Xí nghiệp cơ khí chế biến Lộc Hiệp tại thị trấn Lộc Ninh được thực hiện trên thửa đất có diện tích 81.669,7m² được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00595 ngày 31/12/2007, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 01ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

3.1.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác nước, sử dụng mặt tại Giấy phép số 65/GP-UBND ngày 08/11/2013, thời hạn khai thác 10 năm. Đã nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác nước mặt.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

3.1.2. Đối với Xí nghiệp Cơ khí chế biến Lộc Hiệp tại xã Lộc Hiệp

3.1.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 24/6/2009 và Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 10/03/2007; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận 07/GXN-STNMT ngày 16/03/2016 và Giấy xác nhận số 08/GXN-STNMT ngày 10/04/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng $450\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là khí gas, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

3.1.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Xí nghiệp cơ khí chế biến Lộc Hiệp tại xã Lộc Hiệp được thực hiện trên thửa đất có diện tích $5.450.645\text{m}^2$ được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số 1017.QSDĐ/UB ngày 10/9/2001 và thửa đất có diện tích $116.448,8\text{m}^2$ được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00591 ngày 31/12/2007, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 1,2ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

3.1.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh Giấy phép khai thác nước, sử dụng mặt tại Giấy phép số 66/GP-UBND ngày 08/11/2013, thời hạn cấp phép là 10 năm. Đã nộp đầy đủ tiền tiền cấp quyền khai thác nước mặt.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

3.2. Công ty TNHH MTV Phương Hậu

3.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 02/4/2009; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 23/GXN-STNMT ngày 09/8/2018.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải;*

giế lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng $550\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi bằm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

3.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV Phương Hậu được thực hiện trên thửa đất có diện tích $24.517,5\text{m}^2$, được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ CT002485 ngày 27/3/2012, thửa đất có diện tích $7.021,0\text{m}^2$, được UBND tỉnh Bình Phước cấp GCNQSD đất số vào sổ CT001922 ngày 23/02/2011, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 02ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất hàng năm theo quy định.

3.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 26/GP-UBND ngày 28/08/2012, thời hạn được cấp phép là 10 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Hiện tại, Giấy phép đã hết hạn.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

3.3. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ chế biến cao su Hoàng Anh

3.3.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 31/5/2012; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 71/GXN-STNMT ngày 21/11/2016.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng $160\text{m}^3/\text{ngày}$. Đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột B, QCVN 01-MT:2015/BTNMT (lượng nước thải sau xử lý được thu hồi toàn bộ để phục vụ cho hoạt động sản xuất không thải ra môi trường).

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là mùn cưa, vỏ trấu nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

3.3.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Anh được thực hiện trên thửa đất có diện tích $64.867,5\text{m}^2$, được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ CT002171 ngày 15/8/2011, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 06ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất hàng năm theo quy định.

3.3.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 80/GP-UBND ngày 14/11/2022, số lượng giếng được cấp phép là 04 giếng, thời hạn được cấp phép là 05 năm; đã lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 (chưa có thông báo nội tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước).

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

3.4. Công ty TNHH Duy Thắng

3.4.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 03/8/2010; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 25/GXN-STNMT ngày 06/11/2015.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 400m³/ngày.đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột B, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò dầu tản nhiệt được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

3.4.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH Duy Thắng được thực hiện trên thửa đất có diện tích 38.621,3m², được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ CT01615 ngày 24/6/2010, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 03ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất hàng năm theo quy định.

3.4.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 06/GP-UBND ngày 14/01/2016, thời hạn được cấp phép là 10 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

4. Trên địa bàn huyện Bù Đốp

4.1. Công ty TNHH MTV 16

4.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 22/11/2010.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 200m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT. Riêng thông số Amoni và thông số Tổng Nitơ chưa đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT. Việc lượng nước thải sau xử lý vẫn còn thông số chưa đạt cột A theo quy định là do: Hiện tại công trình xử lý nước thải đang vận hành thử nghiệm nên chất lượng nước thải đầu ra chưa thật sự ổn định. Mặt khác, là đơn vị kinh tế quốc phòng nên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải còn chưa có kinh nghiệm. Đoàn kiểm tra xem xét không xử lý vi phạm hành chính đối với Công ty. Tuy nhiên, đề nghị Công ty rà soát lại toàn bộ hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo việc xử lý lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò dầu tản nhiệt được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

- Công ty đang tiến hành lập thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

4.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV 16 được thực hiện trên thửa đất có diện tích 108.218,3m², được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT02217 ngày 16/12/2011, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 02ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty chưa nộp tiền sử dụng đất từ năm 2011 đến nay.

4.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 01/GP-UBND ngày 08/01/2020, số lượng giếng được cấp phép là 02 giếng, thời hạn được cấp phép là 03 năm.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

- Công ty chưa lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

4.2. Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nha Bích

4.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1781/QĐ-BTNMT ngày 16/7/2019. Công ty đã lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận hồ sơ của Công ty và đã thành lập Tổ thẩm định tại Quyết định số 2411/QĐ-BTNMT ngày 19/9/2022).

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 1.500m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò dầu tản nhiệt được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

4.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nha Bích được thực hiện trên thửa đất có diện tích 39.917,9m², được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT12003 ngày 24/01/2019, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 03ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã thực hiện việc nộp tiền thuê đất một lần theo quy định.

4.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 50/GP-UBND ngày 04/6/2020, số lượng giếng được cấp phép là 03 giếng, thời hạn được cấp phép là 05 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

5. Trên địa bàn huyện Phú Riềng

5.1. Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng

5.1.1. Đối với Nhà máy chế biến mủ cao su Long Hà

5.1.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 15/3/2011; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 26/GXN-STNMT ngày 06/11/2015.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng $1.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là khí hóa lỏng LPG nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

5.1.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến cao su Long Hà được thực hiện trên thửa đất có diện tích $60.015,1\text{m}^2$ trong tổng diện tích đất $2.556,2\text{ha}$ được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: 3188.QSDĐ/UB ngày 16/11/2000, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 06ha. Công ty chưa lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất nông nghiệp năm 2021, chưa nộp năm 2022.

5.1.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty sử dụng nguồn nước từ nhà máy cấp nước của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước để phục vụ hoạt động sản xuất.

5.1.2. Đối với Nhà máy chế biến mủ cao su Trung Tâm

5.1.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 31/07/2017, Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 và Quyết định số 2672/QĐ-UB ngày 25/10/2000; được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác số 06/GXN-STNTM ngày 07/02/2018 và Công văn số 334/STNMT-CCBVTNMT ngày 07/02/2018.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 950m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là là khí hóa lỏng LPG của nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

5.1.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến cao su Trung Tâm được thực hiện trên thửa đất có diện tích 84.875,7m² được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00668 ngày 25/6/2008, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 08ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, năm 2022 chưa nộp.

5.1.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 43/GP-UBND ngày 03/12/2014, thời hạn cấp phép là 10 năm, đã nộp tiền cấp quyền khai thác nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định, nhưng chưa đúng biểu mẫu theo quy định.

5.2. Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương

5.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 15/8/2014; Công ty có văn bản báo cáo việc đã thực hiện nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến mủ cao su Linh Hương gửi cơ quan có thẩm quyền (Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản trả lời cho Công ty tại Công văn số 1938/STNMT-CCBVMT ngày 05/9/2019).

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng $1.500\text{m}^3/\text{ngày}$. Đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

5.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương được thực hiện trên thửa đất có diện tích $95.606,7\text{m}^2$, được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT12001 ngày 22/01/2019; GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT11804 ngày 03/01/2019; GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT21092 ngày 27/11/2019, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 2,6ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 15/GP-UBND ngày 27/8/2013, thời hạn được cấp phép là 10 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

6. Trên địa bàn huyện Bù Đăng

6.1. Công ty TNHH MTV cao su Sông Bé

6.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 13/01/2016; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (công trình hệ thống xử lý nước thải) tại Giấy xác nhận số 29/GXN-STNMT ngày 13/11/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với

đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 300m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

- Công ty đang tiến hành lập thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

6.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su Nghĩa Trung - Công ty Cổ phần cao su Sông Bé được thực hiện trên thửa đất có diện tích 283.804,4m² đã được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT04008 ngày 27/12/2017, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 13ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty nộp tiền thuê đất hàng năm theo quy định.

6.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 88/GP-UBND ngày 27/10/2020, số lượng giếng được cấp phép 07 giếng (06 giếng khai thác, 01 giếng dự phòng), thời hạn được cấp phép là đến hết ngày 25/11/2023; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

7. Trên địa bàn thị xã Chơn Thành

7.1. Nhà máy sản xuất găng tay cao su xuất khẩu - Công ty TNHH SX-TM-DV Nam Cường

7.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 22/03/2006.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 50m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Khí thải không phát sinh nên Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu.

- Công ty đang tiến hành lập thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

7.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Xưởng chế biến mủ cao su ly tâm làm nguyên liệu phục vụ dây chuyền sản xuất găng tay cao su xuất khẩu - Công ty TNHH SX-TM-DV Nam Cường được thực hiện trên thửa đất có diện tích 10.500,3m², được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00151 ngày 26/5/20006, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 01ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất theo quy định.

7.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 17/GP-UBND ngày 31/3/2022, thời hạn được cấp phép là đến hết ngày 28/3/2025; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

7.2. Công ty liên doanh Medevice 3S

7.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 11/6/2018; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 14/GXN-STNMT ngày 01/7/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 200m³/ngày.đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Khí thải không phát sinh nên Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu.

7.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy sản xuất bao cao su - Công ty Liên doanh Medevice 3S được thực hiện trên thửa đất có diện tích 17.000,5m², được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00040 ngày 31/5/2005, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Công ty đã xây dựng nhà máy trên phần diện tích đất khoảng 01ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất phi nông nghiệp năm 2021, 2022 (riêng tiền thuê đất được miễn theo quy định).

7.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty sử dụng nguồn nước cấp từ Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương để phục vụ cho hoạt động sản xuất.

7.3. Công ty TNHH Thương mại Sản xuất cao su Minh Long

7.3.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 18/12/2015; Công ty đã có văn bản báo cáo việc thực hiện nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời tại Công văn số 2718/STNMT-CCBVMТ ngày 24/11/2017.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 525m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là trấu, củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

7.3.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH Thương mại Sản xuất cao su Minh Long được thực hiện trên 03 thửa đất có tổng diện tích là 35.380,1m², được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: 11.QSDĐ/UB ngày 25/6/2002, GCN số sê ri T00035 ngày 18/5/2005, GCN số sê ri CT07998 ngày 05/9/2016, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Công ty đã xây dựng nhà máy trên phần diện tích đất khoảng 3,5ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

7.3.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 69/GP-UBND ngày 13/11/2017, số lượng giếng được cấp phép là 05 giếng, thời hạn cấp phép là 05 năm. Tuy nhiên, hiện tại Giấy phép khai thác của Công ty đã hết hạn. Công ty lập thủ tục xin cấp lại Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và đã nộp hồ sơ tại Trung Tâm hành chính công (thể hiện tại Giấy tiếp nhận hồ sơ ngày 10/11/2022).

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

7.4. Công ty Cổ phần cao su Phước Thành

7.4.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1893/QĐ-BTNMT ngày 04/12/2003 và Quyết định số 1892/QĐ-BTNMT ngày 04/12/2003.

- Công ty đang lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án (mở rộng, nâng công suất), hồ sơ của Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận giải quyết theo quy định (thể hiện tại Công văn số 1453/VP-CTTĐT ngày 27/10/2022).

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 600m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là trấu, củi băm nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

7.4.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV cao su Phước Thành được thực hiện trên thửa đất có tổng diện tích là 87.185,7m², được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT002520 ngày 11/5/2012, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Công ty đã xây dựng nhà máy trên phần diện tích đất khoảng 03ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

7.4.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 23/GP-UBND ngày 23/3/2021, số lượng giếng được cấp phép là 08 giếng (06 giếng khai thác, 02 giếng dự phòng), thời hạn cấp phép là đến hết ngày 28/4/2024. Đã lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (đối với Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 28/4/2016) và được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 19/3/2021.

- Công ty chưa lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với Giấy phép số 23/GP-UBND ngày 23/3/2021.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

8. Trên địa bàn huyện Bù Gia Mập

8.1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su Phú Thịnh

8.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 29/11/2014; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 01/GXN-STNMT ngày 03/3/2017.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*) ; đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 400m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

8.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su Phú Thịnh được thực hiện trên thửa đất có diện tích 47.537,0m², được UBND tỉnh Bình Phước cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT03114 ngày 01/02/2013, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 02ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã thực hiện việc nộp tiền thuê đất năm 2021, 2022.

7.4.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 22/GP-UBND ngày 20/03/2017, thời hạn được cấp phép là 10 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

4. Kết quả xử lý vi phạm hành chính

Đoàn kiểm tra đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 tổ chức với tổng số tiền xử phạt là 410.000.000 đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 582.201.843 đồng, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH MTV Phương Hậu với hành vi khai thác, sử dụng nước mặt đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng trên 100 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm mà không có giấy phép khai thác theo quy định. Với tổng số tiền xử phạt là 30.000.000 đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 19.938.768 đồng.

- Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước với hành vi khai thác, sử dụng nước dưới đất đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng trên 100 m³/ngày đêm đến dưới 200 m³/ngày đêm mà không có giấy phép khai thác theo quy định. Với tổng số tiền xử phạt là 80.000.000 đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 9.307.264 đồng.

- Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng với hành vi chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Diện tích đất vi phạm từ 03 hecta trở lên (khoảng 60.000 m²). Với tổng số tiền xử phạt là 300.000.000 đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 552.955.811 đồng.

III. KẾT LUẬN

Qua kết quả kiểm tra đối với các đơn vị chế biến mủ cao su trên địa bàn tỉnh cho thấy các đơn vị cơ bản đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (như: Việc lập hồ sơ môi trường, việc lập thủ tục đăng ký chủ

nguồn thải chất thải nguy hại; việc thực hiện nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động; việc xử lý nước thải; việc quản lý, xử lý chất thải rắn không nguy hại và chất thải rắn nguy hại), đất đai (như: Thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai; sử dụng đất đúng mục đích) và tài nguyên nước (như: Được cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất theo quy định; thực hiện việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; thực hiện các yêu cầu của Giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước). Tuy nhiên, đối với ngành nghề chế biến mủ cao su việc phát sinh mùi hôi đặc trưng là khó tránh khỏi. Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã đề nghị các đơn vị phải thường xuyên sử dụng (phun, xịt) các loại chế phẩm sinh học khử mùi. Thu gom, lưu giữ lượng mủ tạp và mủ skim đúng nơi quy định nhằm giảm thiểu tới mức tối thiểu mùi hôi phát sinh trong quá trình hoạt động. Bên cạnh những những kết quả đã đạt được ở trên thì vẫn còn một vài đơn vị chưa chấp hành tốt hoặc chấp hành chưa triệt để các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước, cụ thể như sau:

1. Việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường:

1.1. Việc thực hiện nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, việc xây dựng các công trình bảo vệ môi trường:

Có 04/26 dự án (Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty TNHH MTV cao su Sông Bé, Nhà máy sản xuất găng tay cao su xuất khẩu - Công ty TNHH SX-TM-DV Nam Cường và Công ty TNHH MTV 16) chưa được xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án quy định tại Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định: “*Chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại cột 4 Phụ lục II Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật*”.

Đối với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì những đối tượng này không phải tiếp tục thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “*1. Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức. 2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này*”. Đề nghị 04 đơn vị trên sớm hoàn thiện việc lập thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.2. Việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động:

Qua kiểm tra: Có 13/23 dự án (Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty Cổ phần cao su Phước Thành, Công ty TNHH TM-SX Minh Long, Công ty Cổ phần Việt Sing, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV Phương Hậu, Công ty TNHH TM-DV chế biến cao su Hoàng Anh, Công ty TNHH Duy Thắng, Công ty TNHH MTV 16, Công ty TNHH TM-SX Nha Bích, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su Phú Thịnh, Công ty TNHH MTV SX-TM Linh Hương) chưa thực hiện việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Do đó, đề nghị các đơn vị trên sớm thực hiện việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động theo đúng lộ trình quy định (việc lắp đặt phải được hoàn thiện trước ngày 01/01/2025).

1.3. Việc xử lý nước thải:

Có 01 dự án có kết quả phân tích mẫu chưa đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT (Công ty TNHH MTV 16). Nguyên nhân là do Công ty đang tiến hành nâng cấp, cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải và đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm. Đồng thời, Công ty là đơn vị kinh tế quốc phòng nên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải chưa có kinh nghiệm. Hơn nữa, đặc trưng của loại hình sản xuất này khó xử lý, quá trình vận hành của đơn vị chưa được thông suốt nên dẫn đến nước thải sau xử lý vẫn chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (chưa đạt cột A). Nhưng, hiện tại lượng nước thải sau xử lý đã được đơn vị thu hồi một phần để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất. Do đó, lượng nước thải thải vào môi trường không nhiều nên việc ảnh hưởng đến môi trường là không đáng kể. Do đó, Đoàn kiểm tra không tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển cho người có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai:

- Có 01 dự án của 01 tổ chức (Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng) chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định để thực hiện dự án, với tổng diện tích khoảng 60.015,1m² (vi phạm khoản 1 Điều 6 của Luật Đất đai năm 2013, quy định về nguyên tắc sử dụng đất phải đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất). Do đó, Đoàn kiểm tra đã chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Đồng thời, yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng tiến hành lập thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất sang đất theo đúng quy định.

- Có 02 dự án (Công ty TNHH MTV 16 và Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước) chưa thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất và 02 dự án (Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng) đang còn nợ tiền thuê đất. Do đó, đề nghị Công ty TNHH MTV 16, Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường và Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.

3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước:

- Có 02 dự án của 02 tổ chức (Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước và Công ty TNHH MTV Phương Hậu) giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước được cấp hiện tại đã hết hạn (vi phạm khoản 3 Điều 44 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 quy định về đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước quy định: Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 73 của Luật này cấp giấy phép trước khi quyết định việc đầu tư). Do đó, Đoàn kiểm tra đã chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền để tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Đồng thời, đề nghị 02 Đơn vị trên phải tiến hành lập hồ sơ để được cấp lại giấy phép theo đúng quy định.

Ngoài ra, đối với trường hợp của Công ty TNHH cao su Quốc Việt, được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác (số lượng giếng được cấp phép là 04 giếng), có 01 giếng khoan đã bị hư hỏng không sử dụng được. Do đó, đề nghị Công ty thực hiện việc trám lấp giếng khoan đã hư hỏng theo đúng quy định.

Kết quả thực hiện các yêu cầu của Giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước gồm có: Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty Cổ phần cao su Phước Thành, Công ty Cổ phần Việt Sing, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV Phương Hậu, Công ty TNHH TM-SX Nha Bích, Công ty Cổ phần ĐT-XD cao su Phú Thịnh và Công ty TNHH MTV SX-TM Linh Hương chưa thực hiện việc lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định (quy định tại Điều 8 của Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất). Do đó, đề nghị các đơn vị trên thực hiện việc lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo đúng quy định.

IV. BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ kết luận trên, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Ban hành kết luận kiểm tra theo đúng quy định.
2. Đề nghị các đơn vị được kiểm tra thực hiện các nội dung sau:
 - a. Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước và Công ty TNHH MTV Phương Hậu liên hệ với Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh để lập thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước theo đúng quy định.
 - b. Đề nghị Công ty TNHH cao su Quốc Việt thực hiện việc trám lấp giếng khoan đã hư hỏng không sử dụng được theo quy định.
 - c. Đề nghị Công ty Cổ phần cao su Phước Thành và Công ty TNHH MTV 16 thực hiện việc lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác nước theo quy định.
 - d. Đề nghị Công ty TNHH MTV cao su Phú Riêng liên hệ với Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh lập thủ tục thuê đất theo quy định

đ. Đề nghị Công ty TNHH MTV 16, Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước liên hệ Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh để thực hiện các thủ tục liên quan đến nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.

e. Đề nghị Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường và Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng liên hệ Cục thuế tỉnh Bình Phước để thực hiện việc nộp khoản tiền thuế về đất đai đang còn nợ đọng.

g. Đề nghị Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty Cổ phần cao su Phước Thành, Công ty Cổ phần Việt Sing, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV Phương Hậu, Công ty TNHH TM-SX Nha Bích, Công ty Cổ phần ĐT-XD cao su Phú Thịnh và Công ty TNHH MTV SX-TM Linh Hương thực hiện lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

3. Giao

a. Chi cục bảo vệ môi trường:

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đón đốc Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty TNHH MTV cao su Sông Bé, Nhà máy sản xuất găng tay cao su xuất khẩu - Công ty TNHH SX-TM-DV Nam Cường và Công ty TNHH MTV 16 lập thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đón đốc Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty Cổ phần cao su Phước Thành, Công ty TNHH TM-SX Minh Long, Công ty Cổ phần Việt Sing, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV Phương Hậu, Công ty TNHH TM-DV chế biến cao su Hoàng Anh, Công ty TNHH Duy Thắng, Công ty TNHH MTV 16, Công ty TNHH TM-SX Nha Bích, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su Phú Thịnh, Công ty TNHH MTV SX-TM Linh Hương lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động theo đúng lộ trình đã quy định.

b. Phòng Tài nguyên Nước và Khoáng sản:

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đón đốc Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty Cổ phần cao su Phước Thành, Công ty Cổ phần Việt Sing, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV Phương Hậu, Công ty TNHH TM-SX Nha Bích, Công ty Cổ phần ĐT-XD cao su Phú Thịnh và Công ty TNHH MTV SX-TM Linh Hương thực hiện lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo đúng quy định.

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đón đốc Công ty Cổ phần cao su Phước Thành và Công ty TNHH MTV 16 tiến hành lập hồ sơ kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đón đốc Công ty TNHH cao su Quốc Việt thực hiện việc trám lấp giếng khoan đã hư hỏng không sử dụng được theo đúng quy định.

Trên đây là Kết luận kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với các dự án chế biến mủ

cao su trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các tổ chức, đơn vị được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị được kiểm tra;
- CCBVMT;
- Phòng TNN&KS;
- Lưu: VT, ĐTTTr. *hvl me*



Trần Văn Hường